

Bài 1: Sóng Elliott là gì?

1. Lịch sử ra đời lý thuyết sóng Elliott

Lý thuyết sóng Elliott được đặt theo tên của **Ralph Nelson Elliott** (28/7/1871 – 15/1/1948). Ông là một kế toán viên chuyên nghiệp và là một tác giả người Mỹ.

Bằng việc phân tích dữ liệu lịch sử chứng khoán trong nhiều năm, Elliott kết luận rằng sự chuyển động của thị trường chứng khoán có thể được dự đoán bằng cách quan sát và xác định mô hình sóng lặp đi lặp lại.

Sau này lý thuyết sóng không chỉ được áp dụng vào phân tích thị trường chứng khoán mà còn được sử dụng rộng rãi trong các thị trường tài chính khác, thị trường Forex cũng không ngoại lệ.

Lý thuyết sóng Elliott là sự mô tả chi tiết và cách thức cư xử hành vi của các nhóm người. Nó cho thấy sự thay đổi tâm lý đám đông từ bi quan thành lạc quan và ngược lại theo một mắt xích tự nhiên tạo thành các mô hình riêng biệt có thể đo lường được.

Một trong những nơi rõ ràng nhất để quan sát hiện tượng này là các thị trường tài chính nơi tâm lý của nhà đầu tư thay đổi được ghi chép lại dưới dạng biến động giá.

Elliott đã phân biệt 11 mô hình biến động giá hay còn gọi là các mô hình sóng. Ông đã đặt tên, định nghĩa và minh họa những mô hình này. Ông mô tả cách hình thành các mô hình và những phiên bản lớn hơn của chúng.

Lý thuyết sóng Elliott là một tập hợp các mô hình giá và sự giải thích về vị trí có thể xảy ra trong tiến trình phát triển chung của thị trường. Thị trường thường theo các thời kỳ phát triển, luân phiên theo các giai đoạn không tăng trưởng hay suy yếu, xây dựng phân đoạn theo các mô hình tương tự có kích cỡ tăng dần.

Năm 1938, Elliott lần đầu tiên xuất bản lý thuyết của mình về các mô hình thị trường trong cuốn sách có tựa đề ***The Wave Principle***.

Năm 1939, ông tổng kết lý thuyết sóng trong một loạt các bài viết trong tạp chí ***Financial World***.

Cuối cùng đến năm 1946, Elliott đề cập lý thuyết sóng một cách toàn diện nhất trong tác phẩm lớn cuối cùng của mình, ***Nature's Laws: The Secret of the Universe***.

2. Cấu trúc mô hình sóng Elliott

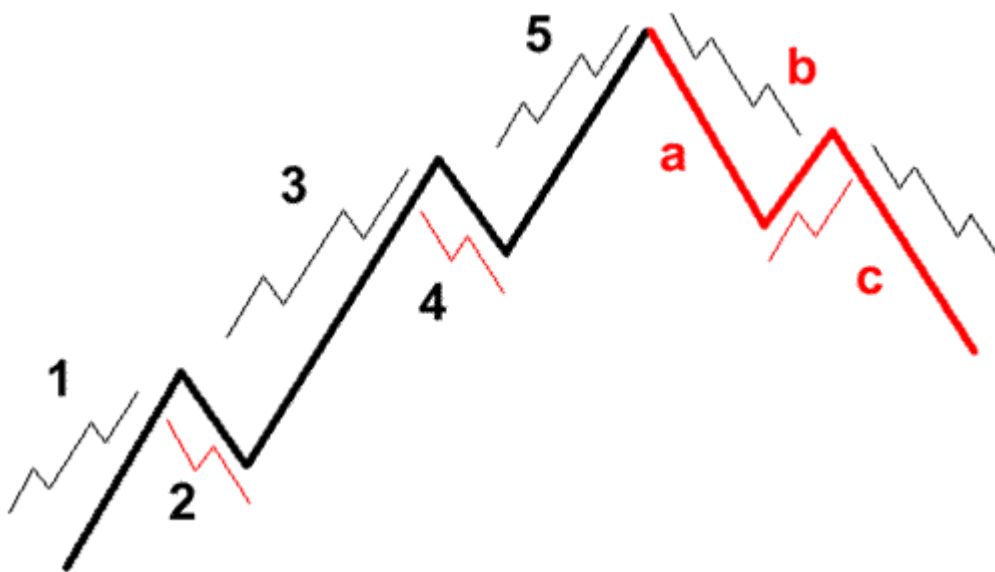
Lý thuyết sóng Elliott cho thấy rằng thị trường diễn biến theo các mô hình 5 sóng trong xu hướng chủ đạo rồi hồi lại theo các quá trình điều chỉnh 3 sóng hoặc 5 sóng trước khi tiếp tục trở lại xu hướng chủ đạo.

Các mô hình trong xu hướng chủ đạo luôn theo các mô hình 5 sóng và được đánh dấu theo các số 1-2-3-4-5. Các mô hình diễn biến ngược với xu hướng chủ đạo nói chung là các mô hình 3 sóng nhưng có thể là các mô hình 5 sóng và được đánh dấu bằng các chữ cái A-B-C (D-E).

Trong mô hình sóng Elliott, sóng chủ và sóng điều chỉnh xen kẽ nhau trong mọi cấp độ của xu hướng, trong mọi quy mô thời gian.

Một sóng chủ (impulse wave) bao gồm 5 sóng cấp dưới và chuyển động cùng hướng với xu hướng của sóng cấp cao hơn.

Một sóng điều chỉnh (corrective wave) luôn gồm 3 sóng cấp dưới và chuyển động ngược hướng với xu hướng của sóng cấp cao hơn.



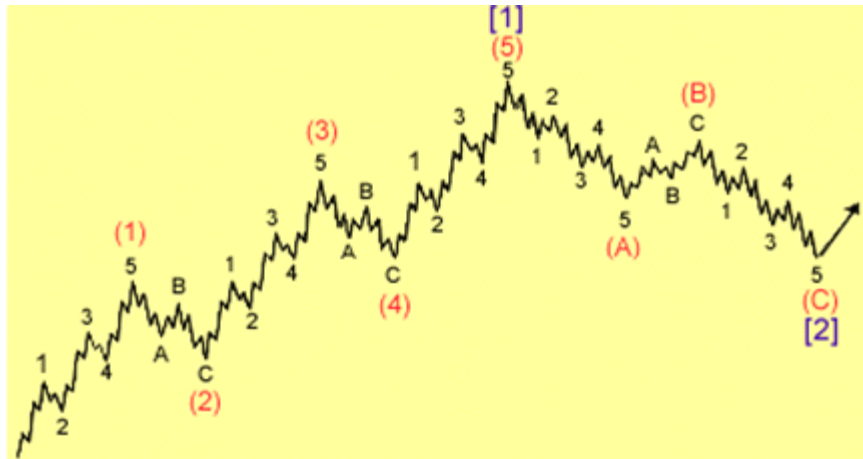
3. Ba quy tắc của sóng Elliott

Một mô hình sóng Elliott hợp lệ phải tuân thủ 3 quy tắc sau:

1. Sóng 2 không thoái lui quá điểm bắt đầu sóng 1.
2. Sóng 3 không là sóng ngắn nhất trong các sóng chủ 1-3-5.
3. Sóng 4 không vi phạm vào khu vực giá của sóng 1.

4. Hiện tượng sóng trong sóng trong lý thuyết sóng Elliott

Theo hình minh họa bên dưới cho thấy cấu trúc hình thành hiện tượng **sóng trong sóng** của lý thuyết sóng Elliott.



Mắt xích đầu tiên là mô hình sóng chủ (impulse wave) kết thúc tại đỉnh 1 (**sóng 1**). Mô hình này cho thấy rằng dao động giá thuộc cấp độ sóng lớn hơn cũng theo hướng đi lên. Nó cũng báo hiệu sự khởi đầu của mắt xích điều chỉnh 3 sóng là **sóng 2**. Các **sóng 3**, **sóng 4** và **sóng 5** hoàn thành mắt xích sóng chủ lớn hơn là **sóng (1)**.

Cấu trúc sóng chủ của sóng 1 cho thấy dao động giá thuộc cấp độ sóng lớn hơn là **sóng (1)** theo chiều đi lên. Quá trình điều chỉnh ở **sóng (2)** theo sau là **sóng (3)**, **sóng (4)** và **sóng (5)** sẽ hoàn thành mắt xích sóng chủ của cấp độ sóng lớn hơn nữa là **sóng [1]**.

Một lần nữa thì quá trình điều chỉnh theo 3 sóng ở cùng cấp độ sóng xảy ra là **sóng [2]**. Cứ thế lần lượt phát triển hoàn thành toàn bộ quá trình.

5. Cấp độ sóng Elliott

Cấp độ sóng Elliott là thuật ngữ xác định các chu kỳ thời gian để nhà phân tích có thể xác định vị trí của sóng trong cái nhìn tổng quát thị trường.

Có 9 cấp độ sóng chính từ chu kỳ thời gian nhiều thế kỷ (Grand super cycle) cho đến chu kỳ chỉ vài phút (Subminuette).

1. Grand super cycle
2. Super cycle
3. Cycle

4. Primary
5. Intermediate
6. Minor
7. Minute
8. Minuette
9. Subminuette

Trên thực tế giao dịch bạn cũng không cần nhớ tên những cấp độ sóng này làm gì, chỉ cần bạn nắm vững các lý thuyết giao dịch với sóng Elliott là được.

6. Tên gọi và ký hiệu của 11 dạng mô hình sóng

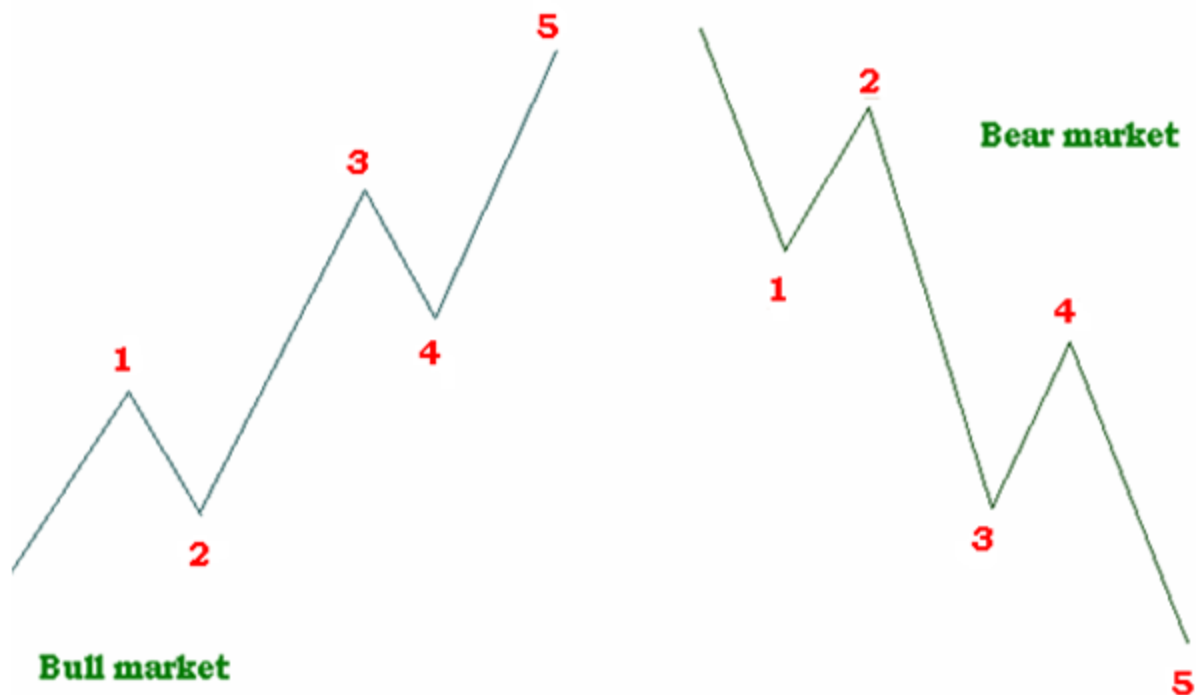
1. Mô hình Impulse (được ký hiệu là IM)
2. Mô hình Leading Diagonal Triangle (được ký hiệu là LD)
3. Mô hình Ending Diagonal Triangle (được ký hiệu là ED)
4. Mô hình Zigzag (được ký hiệu là ZZ)
5. Mô hình Double Zigzag (được ký hiệu là DZ)
6. Mô hình Triple Zigzag (được ký hiệu là TZ)
7. Mô hình Flat (được ký hiệu là FL)
8. Mô hình Double Three (được ký hiệu là D3)
9. Mô hình Triple Three (được ký hiệu là T3)
10. Mô hình Contracting Triangle (được ký hiệu là CT)
11. Mô hình Extending Triangle (được ký hiệu là ET)

Bài 2: Mô hình sóng chủ – Impulse wave

1. Mô hình sóng Impulse là gì?

Mô hình sóng Impulse được ký hiệu là IM.

Mô hình sóng Impulse (mô hình sóng chủ) là mô hình sóng Elliott cơ bản, có 5 sóng, trong đó có 3 sóng di chuyển theo hướng của xu hướng chính và 2 sóng điều chỉnh, hồi lại di chuyển ngược với xu hướng chính. Mỗi sóng được đánh dấu tại điểm cuối và được đánh số từ 1 đến 5.



Mô hình sóng Impulse (IM)

2. Những quy tắc quan trọng của sóng Impulse

- Chính **sóng 1** phải là mô hình sóng **Impulse (IM)** hoặc **Leading Diagonal (LD)**.
- **Sóng 2** có thể là bất kỳ mô hình sóng điều chỉnh nào **ngoại trừ** mô hình **tam giác điều chỉnh (Contracting Triangle (CT))** hoặc **Expanding Triangle (ET)**.
- **Sóng 2** không thể hồi lại quá 100% so với **sóng 1**.
- **Sóng 3** phải là mô hình **Impulse (IM)**.
- **Sóng 3** phải dài hơn **sóng 2** về giá.

- **Sóng 4** có thể là bất kỳ mô hình sóng điều chỉnh nào.
- **Sóng 2** và **sóng 4** không có vùng giá giao nhau.
- **Sóng 5** phải là mô hình **Impulse (IM)** hoặc **Ending Diagonal (ED)**.
- **Sóng 5** phải ít nhất bằng 70% chiều dài của **sóng 4** theo giá.
- Trong **các sóng 1, 3, 5** thì mỗi sóng trong số đó có thể mở rộng và khi đó sẽ là sóng dài nhất so với 2 sóng còn lại.
- **Sóng 5** có thể không vượt qua điểm cuối của **sóng 3**, khi đó là trường hợp bất quy tắc còn gọi là **Failure or Truncated 5th**.

3. Những biến thể của mô hình sóng Impulse

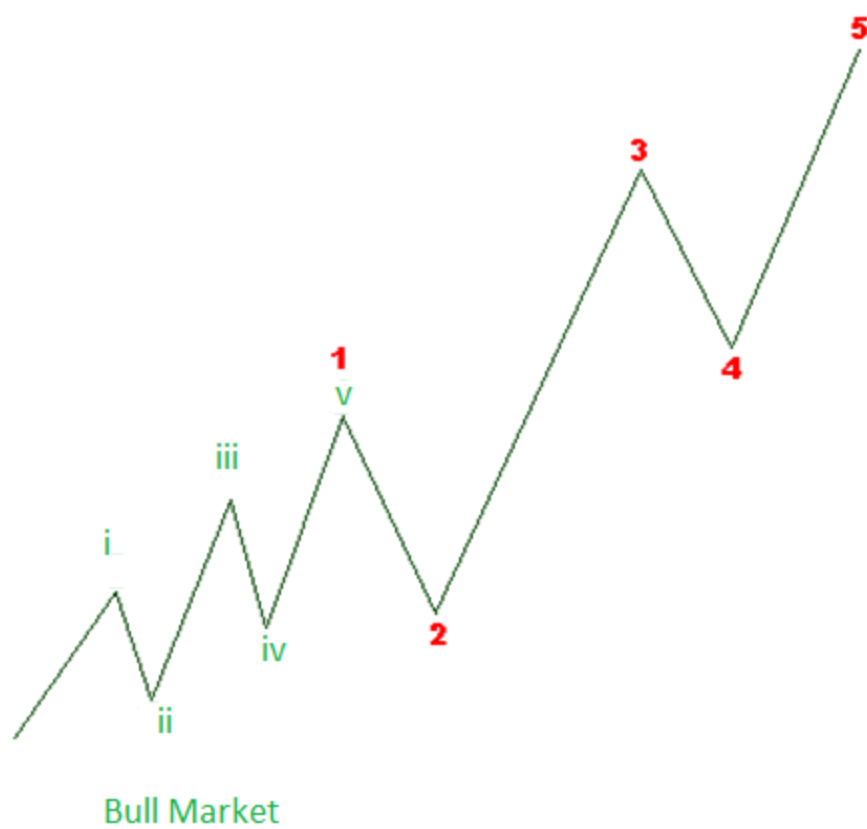
3.1. Mô hình sóng Impulse Extension

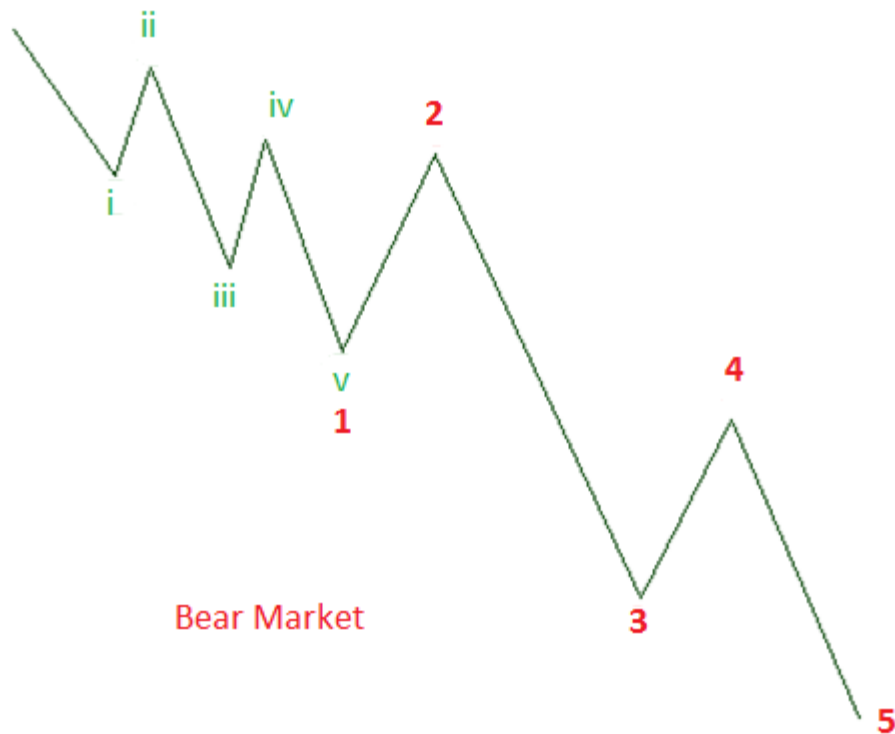
Mô hình sóng Impulse Extension còn gọi là mô hình sóng mở rộng.

Các sóng chủ thường mở rộng và hiện tượng này thường xuất hiện nhiều nhất ở **sóng 3** và thỉnh thoảng xuất hiện ở **sóng 1** và **sóng 5**. Và điều đặc biệt là hiện tượng sóng mở rộng còn xuất hiện ở trong chính sóng mở rộng đó.

Mô hình sóng 1 mở rộng

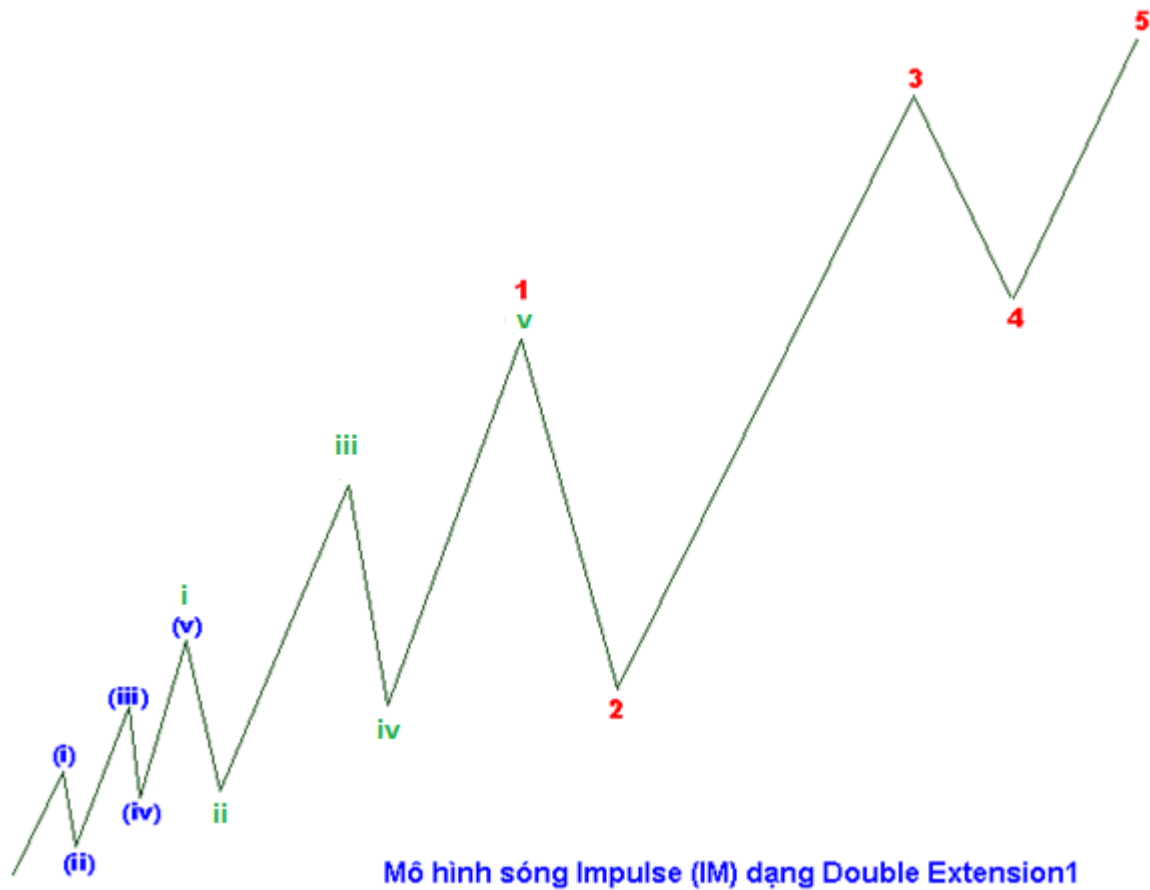
Hình vẽ cho thấy sự mở rộng ở **sóng 1**, thường là một sóng chủ dài với nhiều sóng con. Khi **sóng 1** mở rộng thì **sóng 3** và **sóng 5** có độ dài ngắn hơn **sóng 1**.





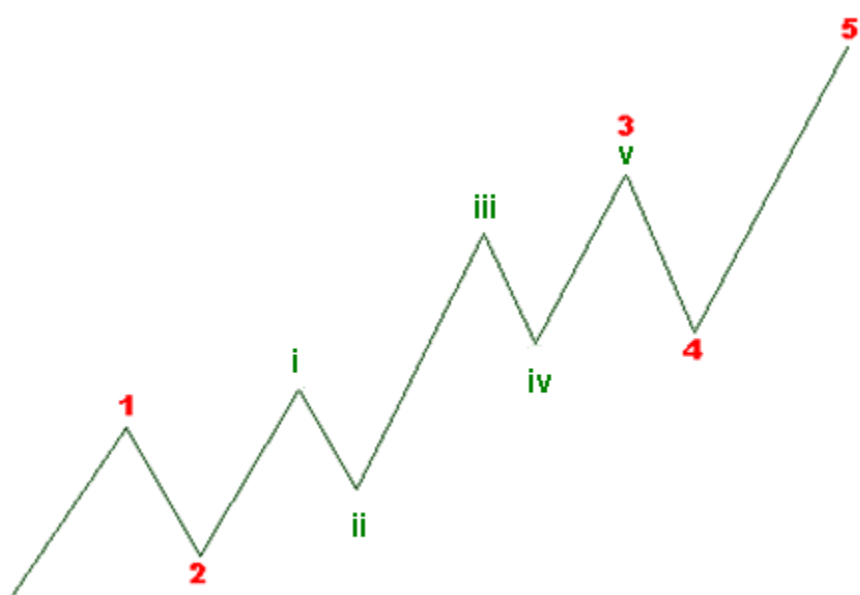
Quy tắc:

- Sóng có **sóng 1** mở rộng bao gồm 9 sóng, mỗi sóng gần như tương tự về hình dạng và thời gian phát triển.
- Nếu sự mở rộng xảy ra ở sóng 1 thì các sóng 3 và 5 sẽ là sóng bình thường, không mở rộng.
- **Sóng 1** mở rộng theo mô hình **Impulse (IM)** hoặc **Leading Diagonal (LD)**.
- Đôi khi xảy ra trường hợp 2 lần mở rộng với **sóng 1 (Double Extension)** khi đó sóng có **sóng 1** mở rộng 2 lần bao gồm 13 sóng (riêng trường hợp hiếm xảy ra là có đến 3 lần mở rộng với **sóng 1** – Triple Extension thì sẽ có 17 sóng).

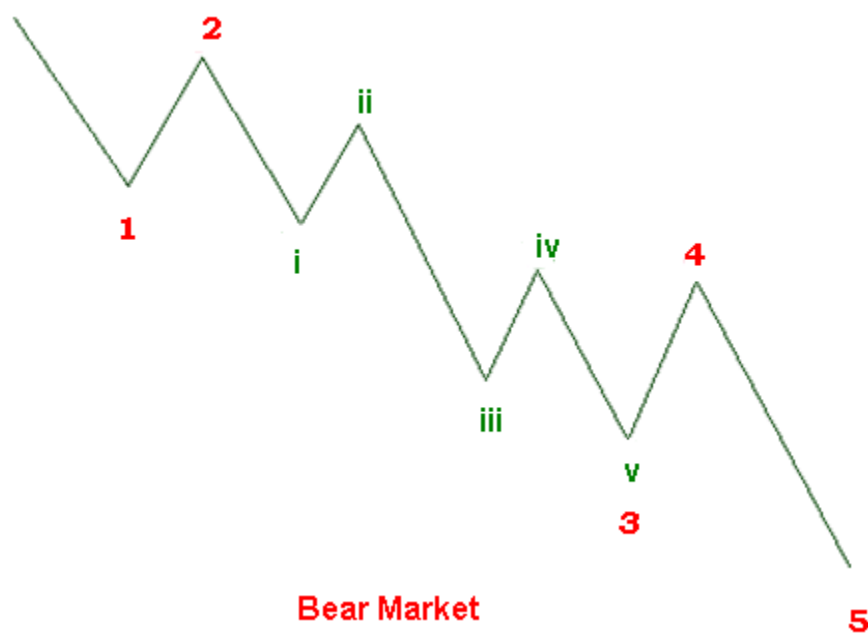


Mô hình sóng 3 mở rộng

Hình vẽ cho thấy một **sóng 3** mở rộng, thường là một sóng chủ dài với nhiều sóng con. Các sóng con trong sóng mở rộng này có khoảng thời gian hình thành gần như nhau. **Sóng 3** mở rộng cho thấy **sóng 1** và **sóng 5** có chiều dài ngắn hơn **sóng 3**.



Bull Market

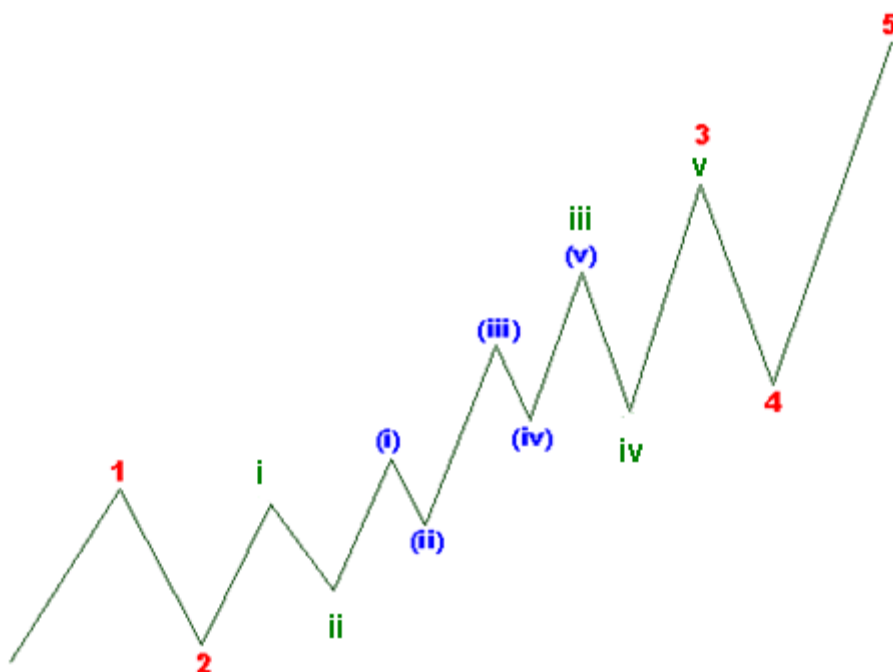


Bear Market

Quy tắc:

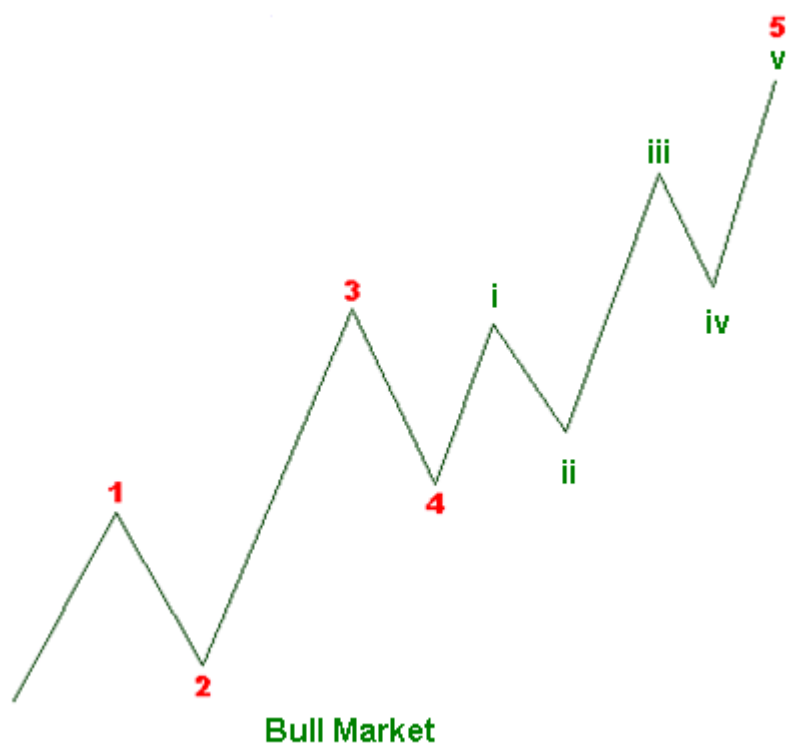
- Sóng có sóng 3 mở rộng bao gồm 9 sóng, mỗi sóng tương tự về hình dạng và thời gian phát triển.
- Nếu sự mở rộng xảy ra ở sóng 3 thì các sóng 1 và 5 sẽ là những sóng bình thường, không mở rộng.
- Sóng 4 không được trùng lặp vùng giá với sóng 1.
- Sóng 3 không bao giờ là sóng ngắn nhất.
- Sóng 3 mở rộng theo mô hình Impulse (IM).
- Đôi khi xảy ra trường hợp 2 lần mở rộng với sóng 3 (Double Extension) khi đó sóng có sóng 3 mở rộng 2 lần bao gồm 13 sóng (riêng trường hợp hiếm xảy ra là có đến 3 lần mở rộng với sóng 3 – Triple Extension thì sẽ có 17 sóng).

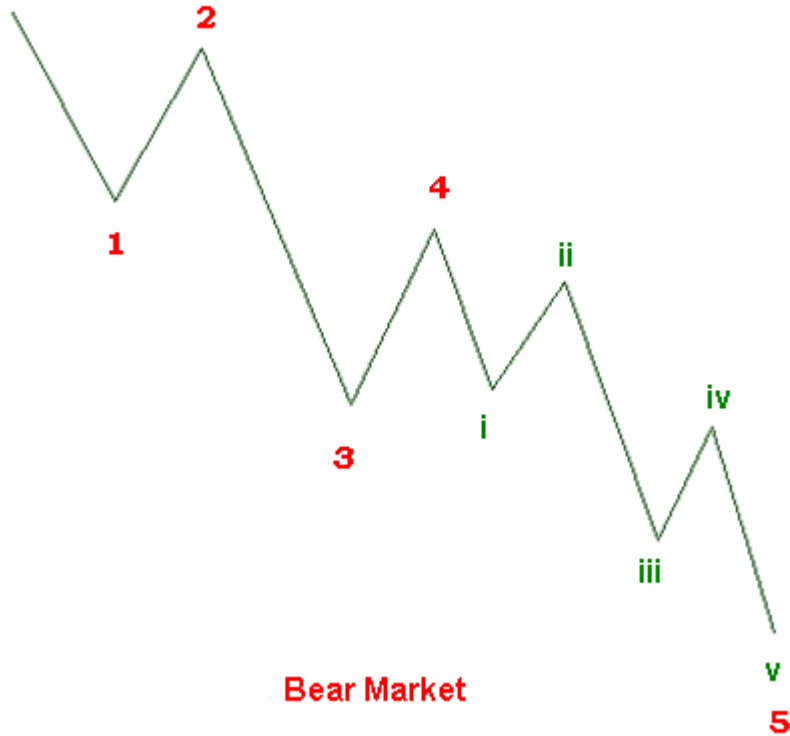
Mô hình sóng Impulse (IM) dạng Double Extension3



Mô hình sóng 5 mở rộng

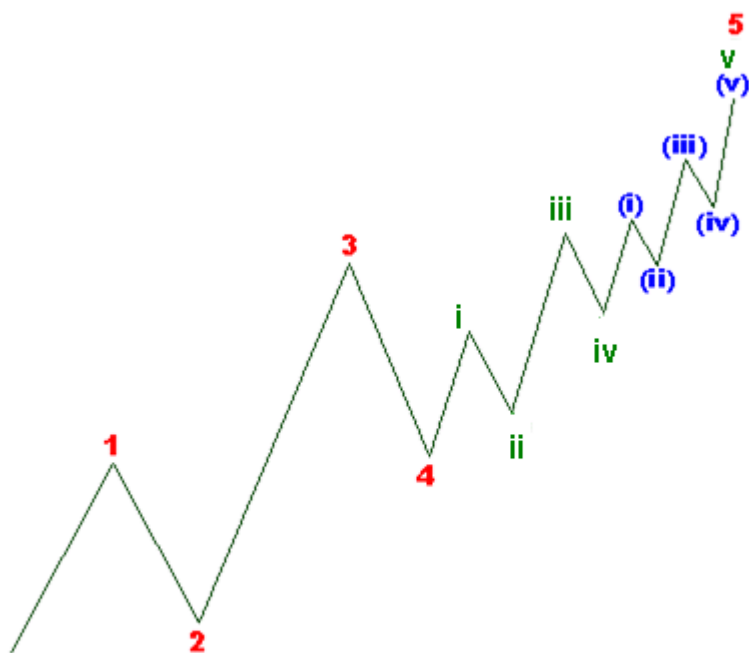
Hình vẽ cho thấy một sóng 5 mở rộng, thường là một sóng chủ dài với nhiều sóng con. Các sóng con trong sóng mở rộng này có khoảng thời gian hình thành gần như nhau. Sóng 5 mở rộng cho thấy sóng 1 và sóng 3 có chiều dài ngắn hơn.





Quy tắc:

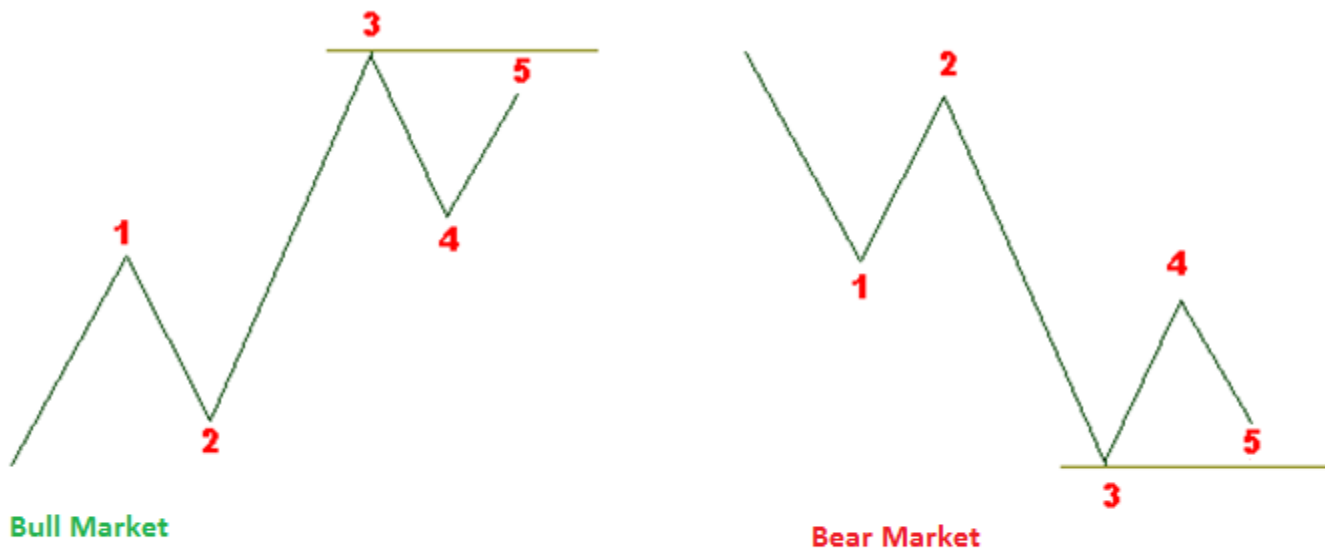
- Sóng có sóng 5 mở rộng bao gồm 9 sóng, mỗi sóng tương tự về hình dạng và thời gian phát triển.
- Nếu sự mở rộng xảy ra ở sóng 5 thì các sóng 1 và 3 sẽ là những sóng bình thường, không mở rộng.
- Sóng 4 không được trùng lặp vùng giá với sóng 1.
- Sóng 5 mở rộng theo mô hình Impulse (IM) hoặc Ending Diagonal (ED).
- Đôi khi xảy ra trường hợp 2 lần mở rộng với sóng 5 (Double Extension) khi đó sóng có sóng 5 mở rộng 2 lần bao gồm 13 sóng (riêng trường hợp hiếm xảy ra là có đến 3 lần mở rộng với sóng 5 – Triple Extension thì sẽ có 17 sóng).



Mô hình sóng Impulse (IM) dạng Double Extension5

3.2. Mô hình Impulse Truncated 5th

Mô hình sóng có sóng 5 không thể vượt qua điểm kết thúc sóng 3 gọi là mô hình Impulse Truncated 5th. Đây là lý do nó được gọi là mô hình sóng cụt.



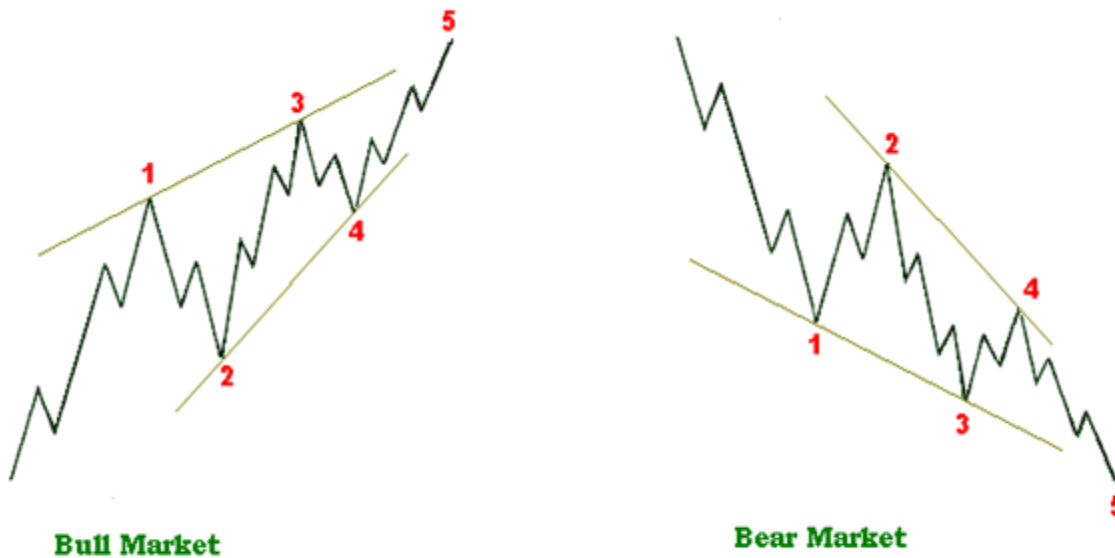
Mô hình sóng Impulse (IM) dạng Truncated 5th

Quy tắc:

- Sóng cụt là một sóng chủ không thể hoàn thành xu hướng.
- Sóng 5 không thể vượt qua điểm kết thúc sóng 3.
- Sóng 3 không bao giờ là sóng ngắn nhất so với các sóng 1 và 5.

3.3. Mô hình sóng Leading Diagonal (LD)

Leading Diagonal là mô hình sóng dạng tam giác chéo có cấu trúc sóng bên trong theo dạng 5-3-5-3-5.



Mô hình sóng Leading Diagonal (LD)

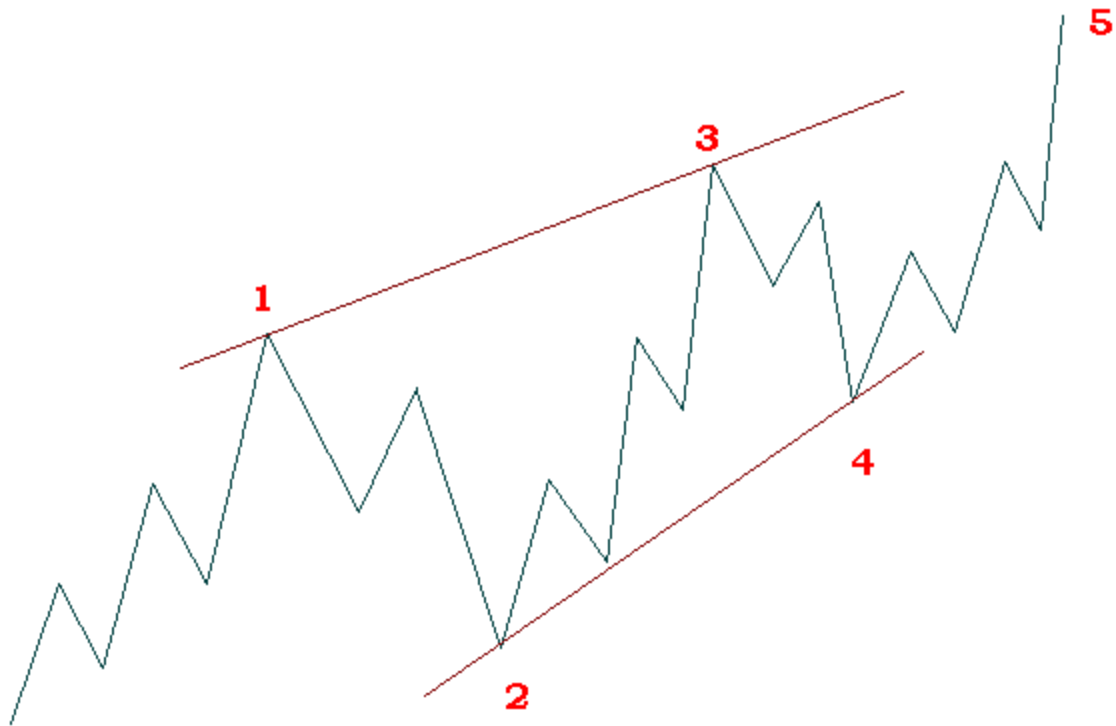
Quy tắc:

- Sóng 1 của mô hình Leading Diagonal (LD) theo mô hình Impulse (IM) hoặc Leading Diagonal (LD).
- Sóng 2 có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào trừ mô hình tam giác điều chỉnh như Contracting Triangle (CT) và Expanding Triangle (ET).
- Sóng 2 không bao giờ dài hơn sóng 1 về giá.
- Sóng 3 của mô hình Leading Diagonal (LD) theo mô hình Impulse (IM).
- Sóng 3 luôn lớn hơn sóng 2 về giá.
- Sóng 4 có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào.
- Các sóng 2 và 4 phải chia sẻ cùng vùng giá, tức là phải chéo nhau.
- Sóng 5 của mô hình Leading Diagonal (LD) theo mô hình Impulse (IM) hoặc Ending Diagonal (ED).
- Sóng 5 phải bằng ít nhất 50% sóng 4 về giá.
- Sóng 3 không phải là sóng ngắn nhất về giá khi so sánh với các sóng 1 và 5.

Mô hình sóng Leading Diagonal (LD) có 2 dạng: Leading Diagonal Contracting và Leading Diagonal Expanding.

Mô hình *Leading Diagonal Contracting*

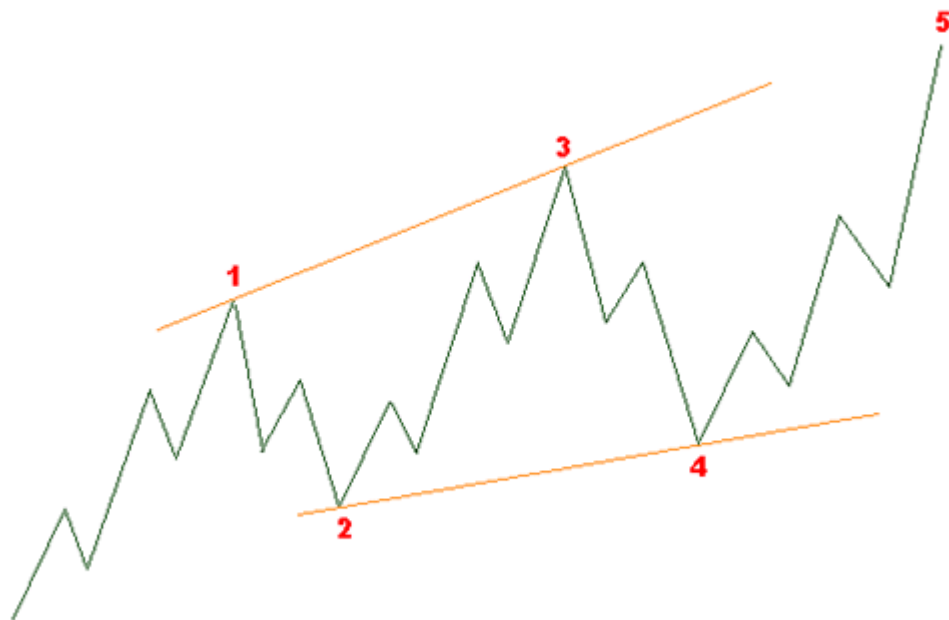
Với mô hình Leading Diagonal Contracting thì hai đường xu hướng nối các điểm cuối của sóng 1 với sóng 3 và sóng 2 với sóng 4 có xu thế hội tụ dần.



Mô hình sóng Leading Diagonal (LD) Contracting

Mô hình *Leading Diagonal Expanding*

Với mô hình Leading Diagonal Expanding thì hai đường xu hướng nối các điểm cuối của sóng 1 với sóng 3 và sóng 2 với sóng 4 mở rộng dần ra.



Mô hình sóng Leading Diagonal (LD) Expanding

3.4. Mô hình sóng Ending Diagonal (ED)

Ending Diagonal là dạng tam giác chéo có cấu trúc sóng bên trong theo dạng 3-3-3-3-3.



Bull Market



Bear Market

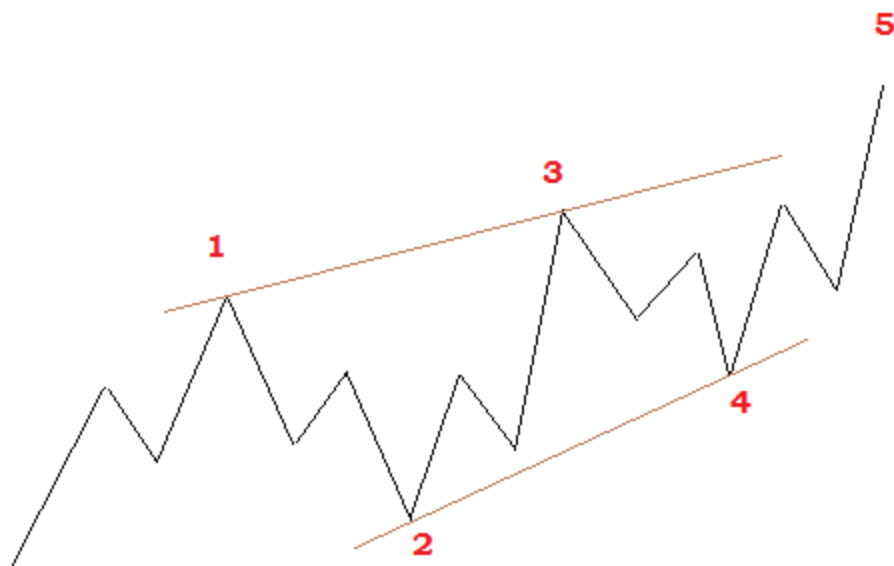
Mô hình sóng Ending Diagonal (ED)

Quy tắc:

- Các sóng 1, 3 và 5 của mô hình Ending Diagonal (ED) luôn theo mô hình thuộc họ Zigzag (ZZ).
 - Sóng 2 có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào trừ mô hình tam giác điều chỉnh như Contracting Triangle (CT) và Expanding Triangle (ET).
 - Sóng 2 không bao giờ dài hơn sóng 1 về giá.
 - Sóng 3 luôn lớn hơn sóng 2 về giá.
 - Sóng 4 có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào.
 - Các sóng 2 và 4 phải chia sẻ cùng vùng giá, tức là phải chéo nhau.
 - Sóng 5 phải bằng ít nhất 50% sóng 4 về giá.
 - Sóng 3 không phải là sóng ngắn nhất về giá khi so sánh với các sóng 1 và 5.
- Mô hình sóng Ending Diagonal (LD) có 2 dạng: Ending Diagonal Contracting và Ending Diagonal Expanding.

Mô hình Ending Diagonal Contracting

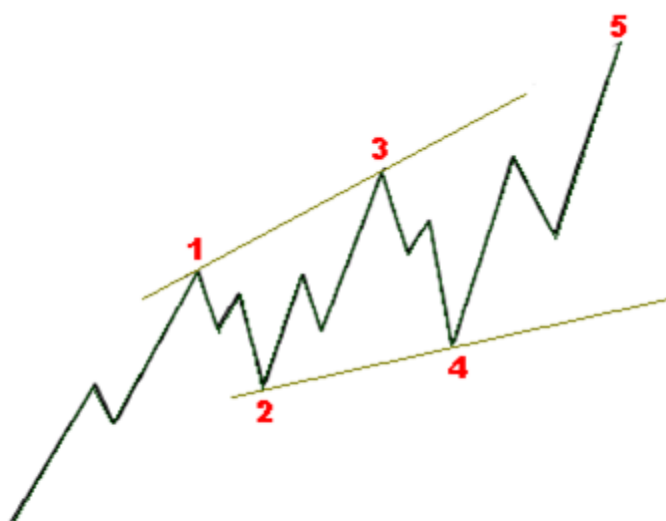
Với mô hình Ending Diagonal Contracting thì hai đường xu hướng nối các điểm cuối của sóng 1 với sóng 3 và sóng 2 với sóng 4 có xu thế hội tụ dần.



Mô hình Ending Diagonal (ED) Contracting

Mô hình Ending Diagonal Expanding

Với mô hình Ending Diagonal Expanding thì hai đường xu hướng nối các điểm cuối của sóng 1 với sóng 3 và sóng 2 với sóng 4 mở rộng dần ra.



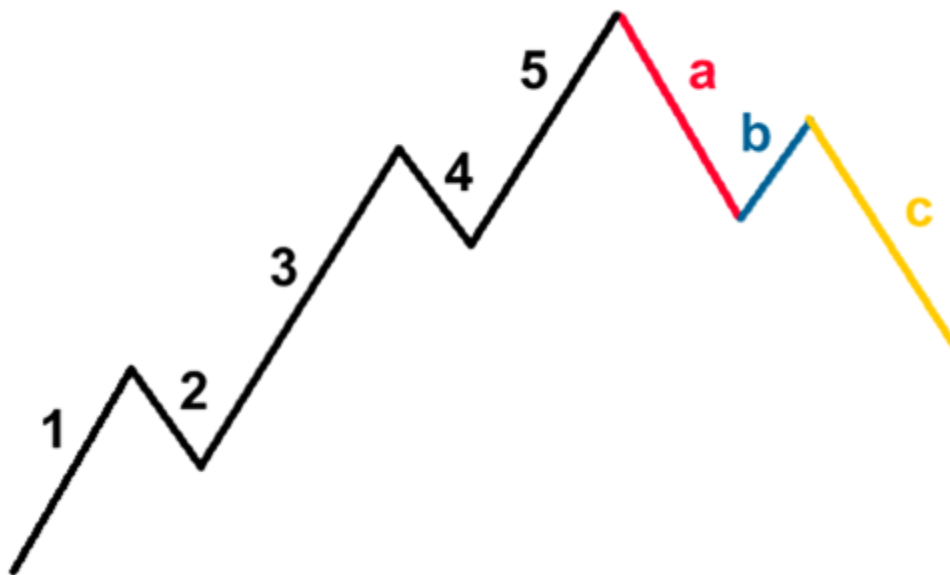
Mô hình sóng Ending Diagonal (ED) Expanding

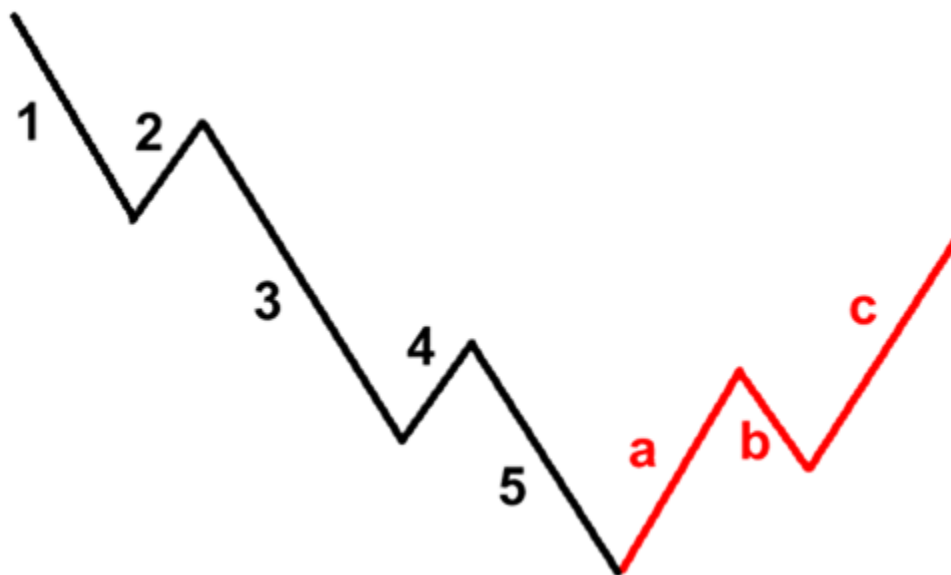
Bài 3: Mô hình sóng điều chỉnh – Corrective wave

1. Mô hình sóng điều chỉnh là gì?

Mô hình sóng điều chỉnh là mô hình gồm 3 sóng ngược xu hướng với mô hình sóng chủ (Impulse).

Để dễ phân biệt sóng điều chỉnh với sóng chủ, chúng được đánh dấu theo các chữ cái A-B-C.





Mô hình sóng điều chỉnh rất đa dạng về cấu trúc. Chúng ta sẽ đi lần lượt từng dạng mô hình sóng điều chỉnh.

2. Mô hình sóng Zigzag

Mô hình sóng Zigzag được ký hiệu là ZZ.

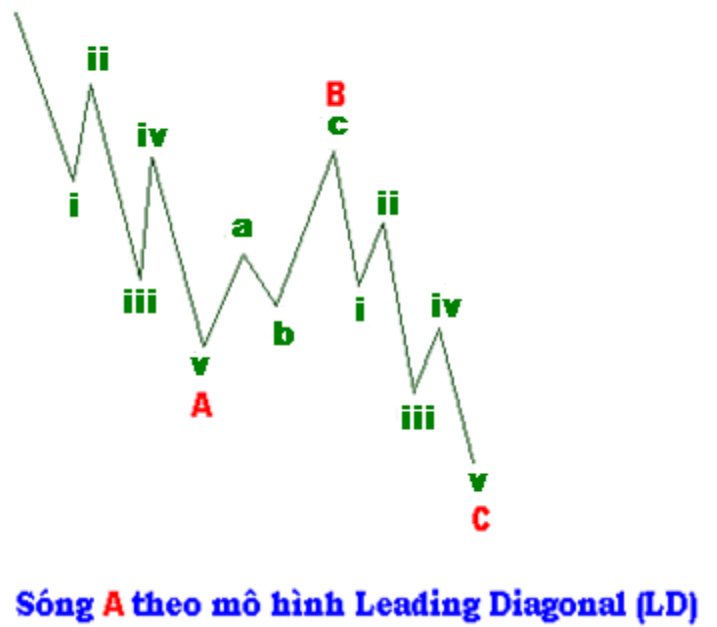
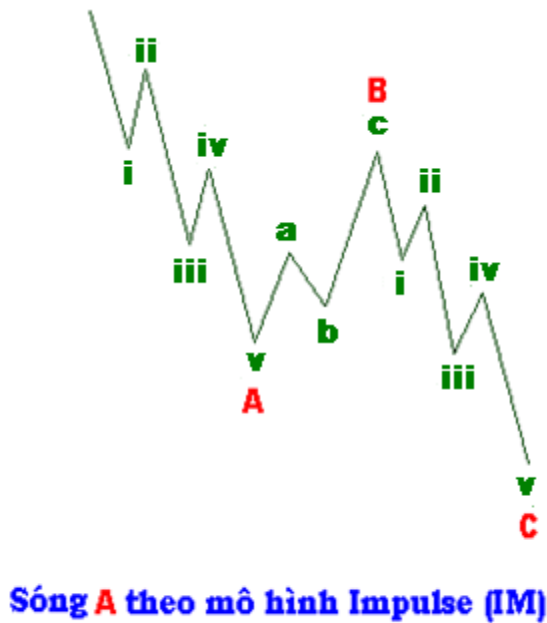
Mô hình sóng Zigzag (ZZ) có cấu trúc 3 sóng được đánh dấu A-B-C, nhìn chung di chuyển ngược với xu hướng chính. Đây là một trong những mô hình sóng Elliott điều chỉnh phổ biến nhất.



Mô hình Zigzag (ZZ)

2.1. Quy tắc mô hình sóng Zigzag

Sóng A phải theo mô hình Impulse (IM) hoặc Leading Diagonal (LD).



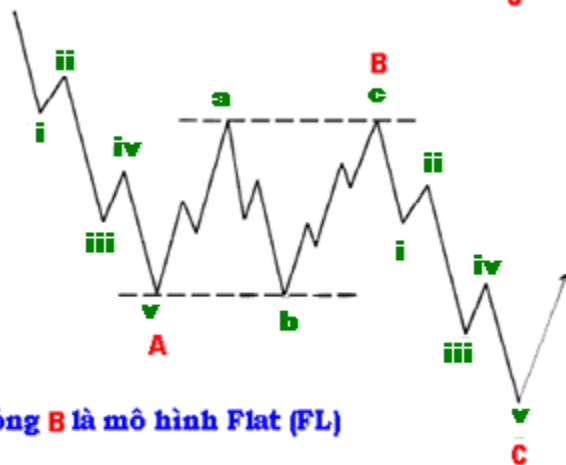
Sóng B chỉ có thể là mô hình sóng điều chỉnh và phải ngắn hơn sóng A về khoảng cách giá.



Sóng B là mô hình Contracting Triangle (CT)



Sóng B là mô hình Flat (FL) Irregular

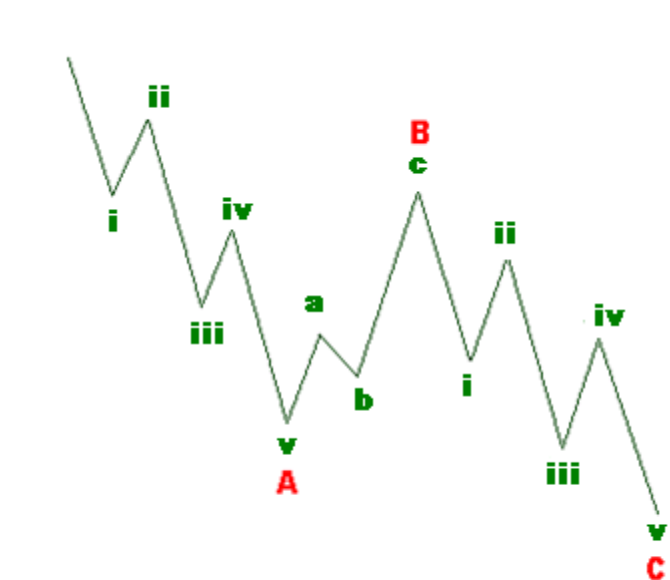
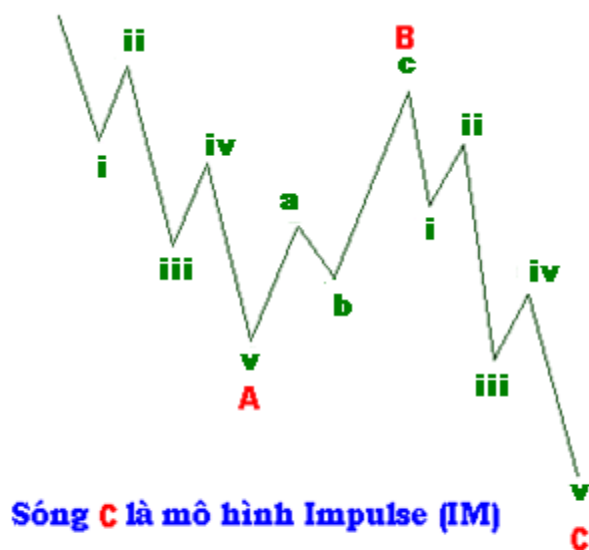


Sóng B là mô hình Flat (FL)

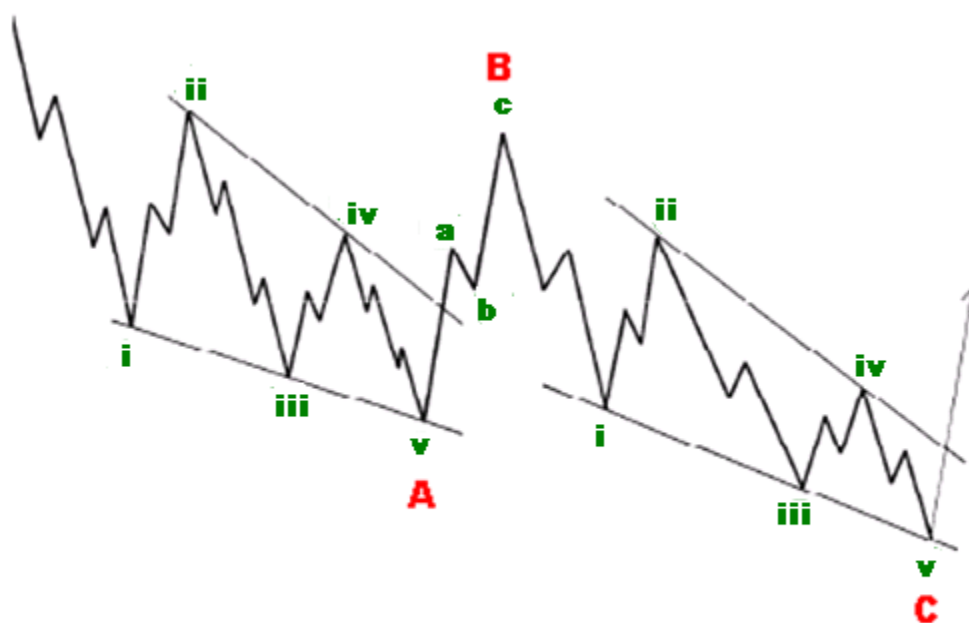


Sóng B là mô hình Double Three (D3)

Sóng C phải theo mô hình Impulse (IM) hoặc Ending Diagonal (ED).



Sóng C có thể là mô hình Ending Diagonal (ED) nếu sóng A là mô hình Leading Diagonal (LD).

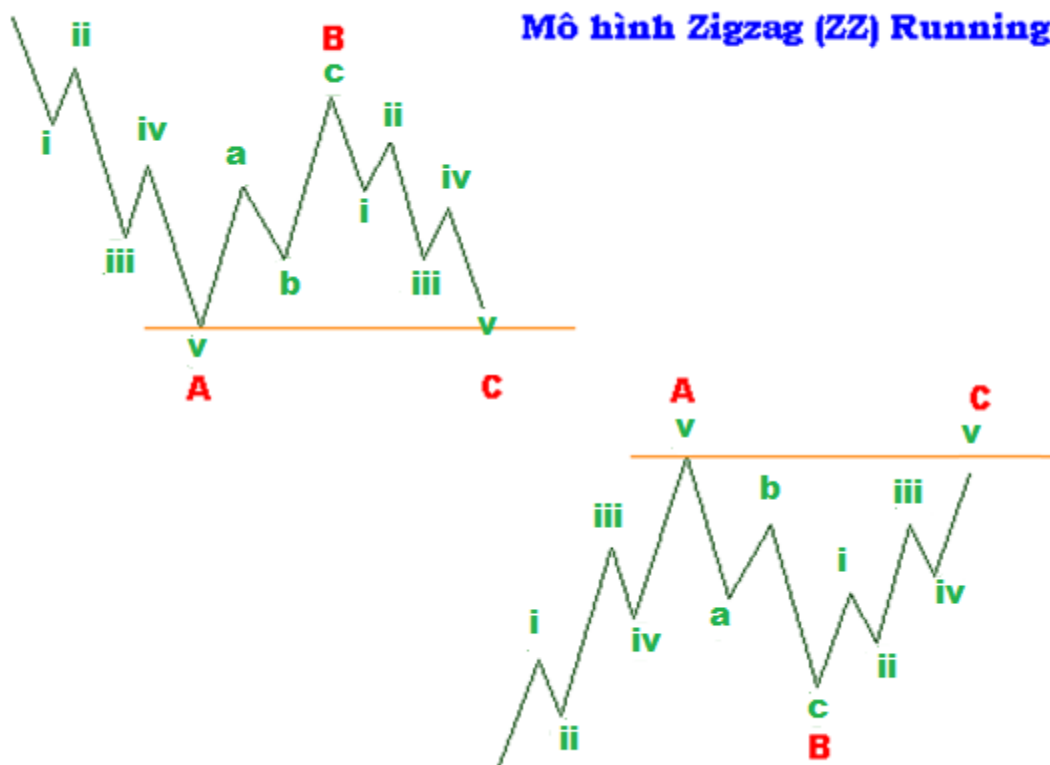


Sóng A là mô hình Leading Diagonal (LD) và sóng C là mô hình Ending Diagonal (ED)

2.2. Các biến thể của mô hình sóng Zigzag

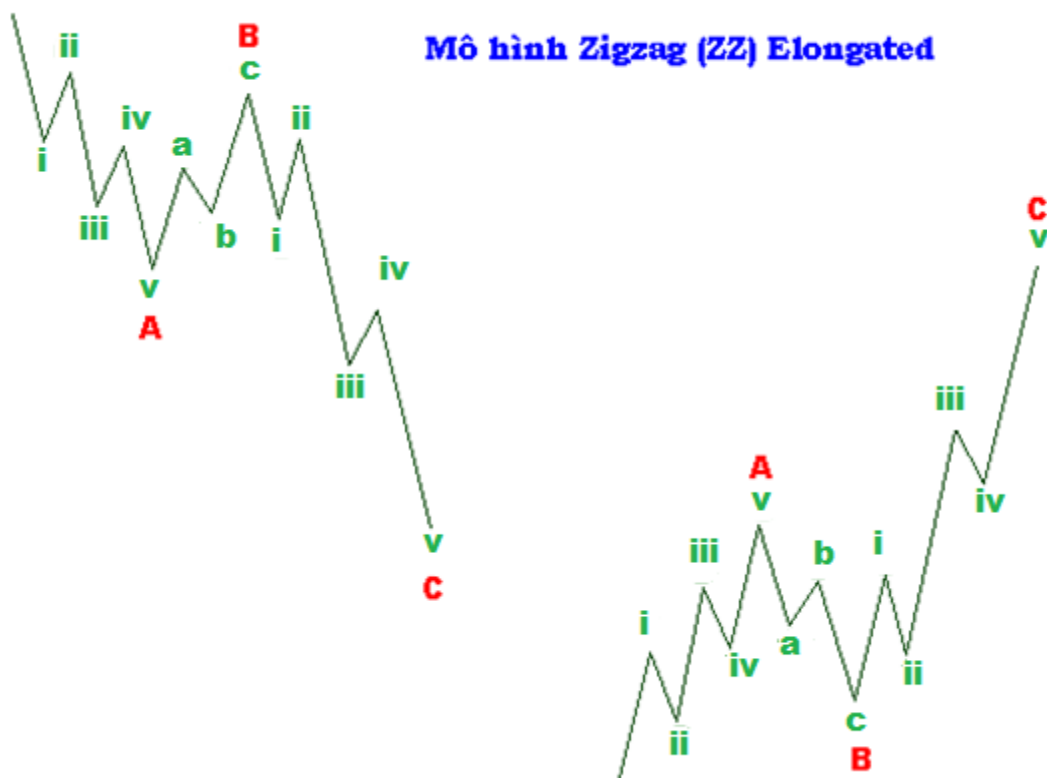
Mô hình sóng Zigzag Running

Với mô hình Zigzag Running thì điểm cuối của sóng C không vượt qua điểm cuối của sóng A.



Mô hình sóng Zigzag Elongated

Với mô hình Zigzag Elongated thì sóng C rất dài so với sóng A, có thể dài bằng 2.618 lần sóng A.



3. Mô hình sóng Double Zigzag và mô hình sóng Triple Zigzag

Các biến thể phổ biến của mô hình Zigzag (ZZ) là mô hình Double Zigzag (DZ) và mô hình Triple Zigzag (TZ).

Về bản chất thì chúng đều là các mô hình điều chỉnh. Mô hình Triple Zigzag (TZ) thì hiếm xảy ra. Tất cả các mô hình này tạo thành họ Zigzag (ZZ).

3.1. Mô hình Double Zigzag

Mô hình Double Zigzag (DZ) được tạo thành bằng 2 mô hình Zigzag (ZZ) được nối với nhau bởi một mô hình điều chỉnh tương đối ngắn gọi là sóng (X).

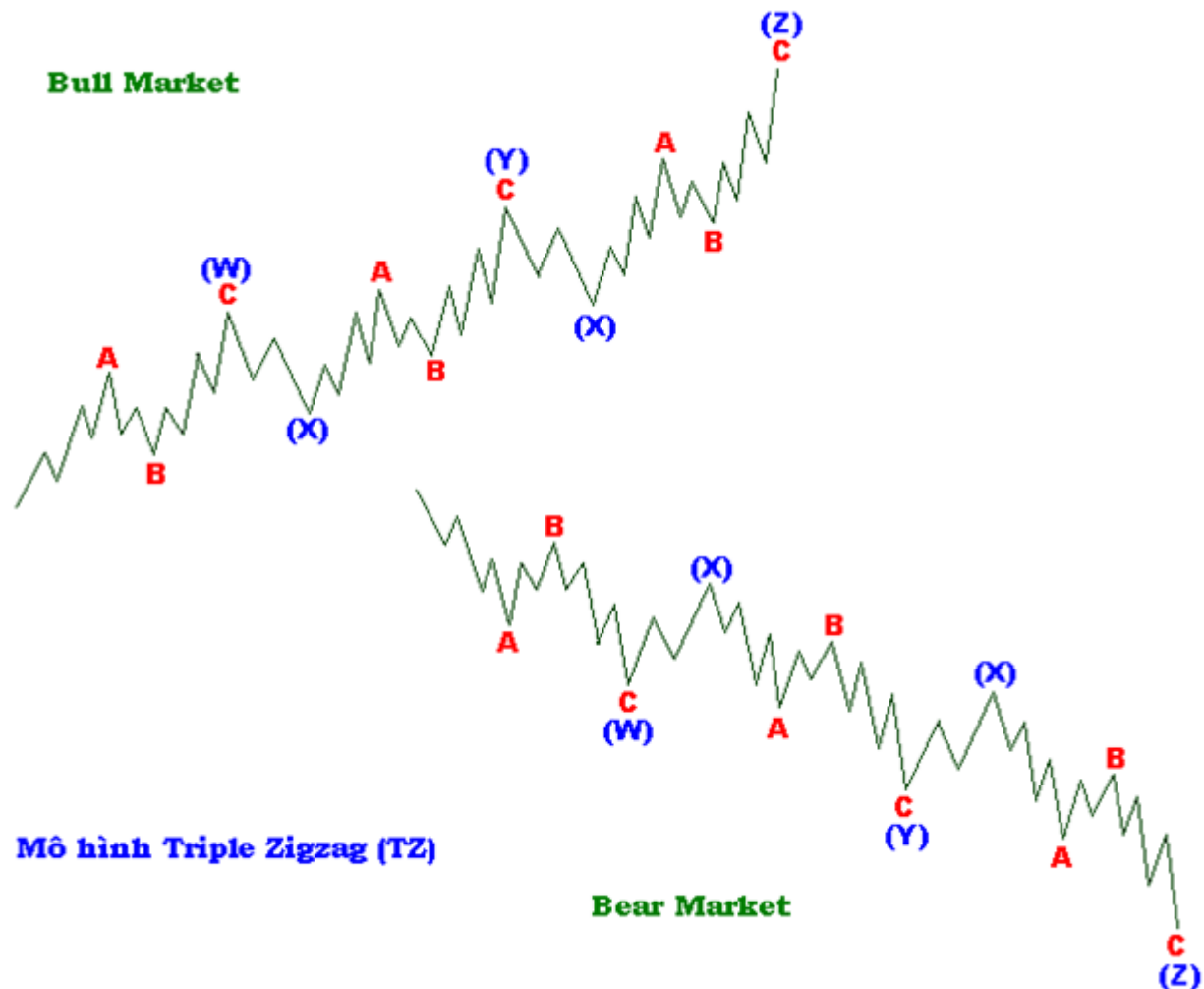
Mô hình Double Zigzag (DZ) được biểu thị bằng các sóng (W)-(X)-(Y) trong đó các sóng (W), (Y) theo mô hình Zigzag (ZZ).



3.2. Mô hình Triple Zigzag

Mô hình Triple Zigzag (TZ) được tạo thành bằng 3 mô hình Zigzag (ZZ) được nối với nhau bởi 2 mô hình sóng điều chỉnh tương đối ngắn gọi là sóng (X).

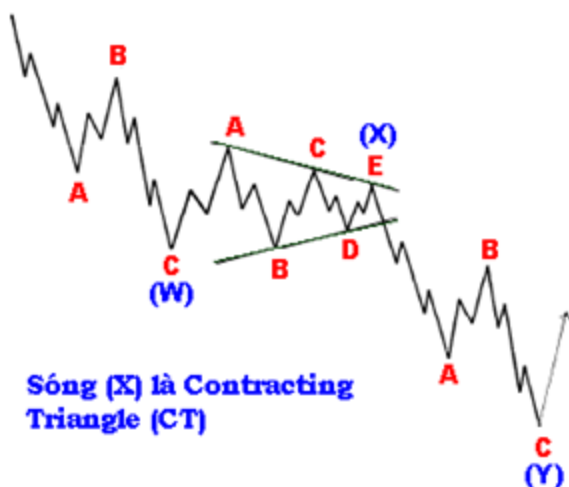
Mô hình Triple Zigzag (TZ) được biểu thị bằng các sóng (W)-(X)-(Y)-(X)-(Z) trong đó các sóng (W), (Y), (Z) theo mô hình Zigzag (ZZ).



3.3. Quy tắc mô hình sóng Double Zigzag và Triple Zigzag

- Các sóng (W), (Y), (Z) phải theo mô hình Zigzag (ZZ).
- Các sóng (X) có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào trừ mô hình Expanding Triangle (ET).
- Sóng (X) phải ngắn hơn sóng (W) về biên độ giá.
- Sóng (Y) phải bằng hoặc dài hơn sóng (X) về biên độ giá.
- Sóng (X) thứ hai phải ngắn hơn sóng (Y) về biên độ giá.

- Sóng (Z) phải bằng hoặc dài hơn sóng (X) thứ hai về biên độ giá.

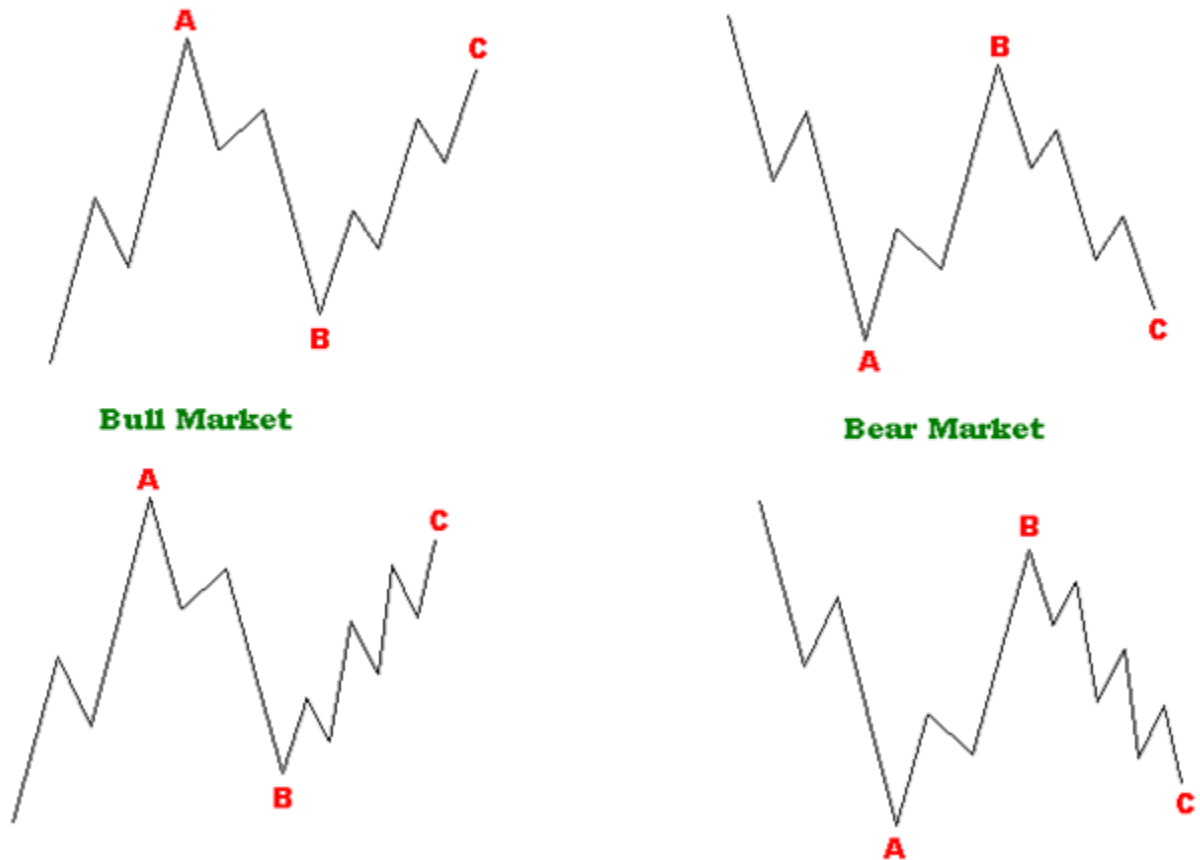


Chú ý: Các mô hình sóng Double Zigzag (ZZ) và Triple Zigzag (TZ) chứa các mô hình Zigzag (ZZ) vì thế các biến thể Zigzag (ZZ) Running, Zigzag (ZZ) Elongated cũng hàm chứa trong các mô hình sóng này.

4. Mô hình sóng Flat

Mô hình sóng Flat được ký hiệu là FL.

Mô hình Flat (FL)



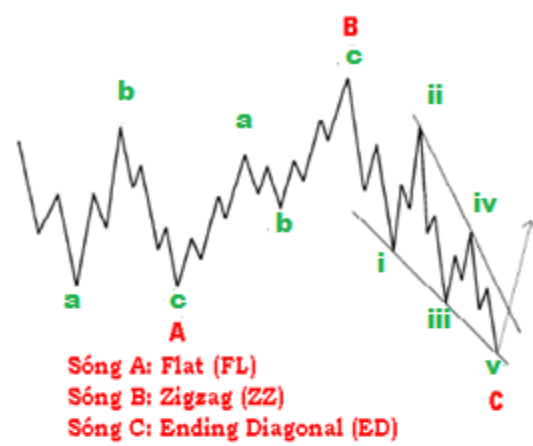
Các mô hình Flat (FL) là một dạng rất phổ biến của các mô hình sóng điều chỉnh. Chúng khác với các mô hình Zigzag (ZZ) ở chỗ chúng có xu thế di chuyển dập dềnh chứ không phải lên mạnh hoặc xuống mạnh, vì thế mới có tên gọi “Flat”.

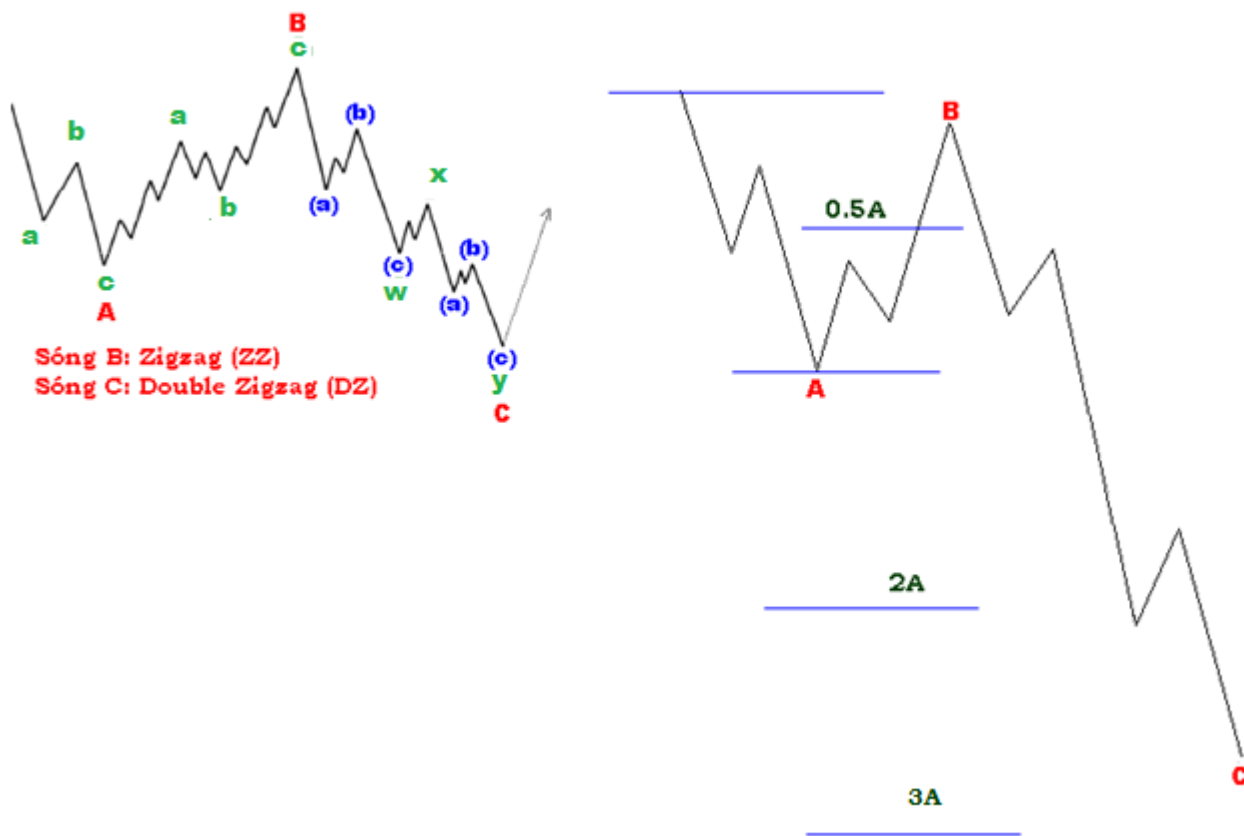
Đồng thời mô hình Flat (FL) không theo cấu trúc sóng 5-3-5 mà theo cấu trúc sóng 3-3-5 hoặc 3-3-7. Ngược lại các mô hình Zigzag di chuyển lên hoặc xuống nhanh và mạnh và theo cấu trúc sóng 5-3-5.

4.1. Quy tắc mô hình sóng Flat

- Sóng A có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào.

- Sóng B có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào trừ mô hình Contracting Triangle (CT) và Expanding Triangle (ET).
- Sóng B phải hồi lại ít nhất 50% sóng A về giá (theo Fibonacci Retracement) và phải ngắn hơn 2 lần chiều dài sóng A ($0.5A \leq B \leq 2A$).
- Sóng C chỉ có thể là mô hình Impulse (IM) hoặc Ending Diagonal (ED) hoặc Double Zigzag (DZ). Nếu sóng C theo mô hình Double Zigzag (DZ) mà sóng X mở rộng thì cấu trúc sóng bên trong của mô hình Flat (FL) là 3-3-3 nhưng nếu sóng X không mở rộng thì cấu trúc sóng bên trong của mô hình Flat (FL) là 3-3-7.
- Sóng C không dài hơn 3 lần chiều dài sóng A ($C \leq 3A$).
- Sóng C phải chia sẻ vùng giá với sóng A.



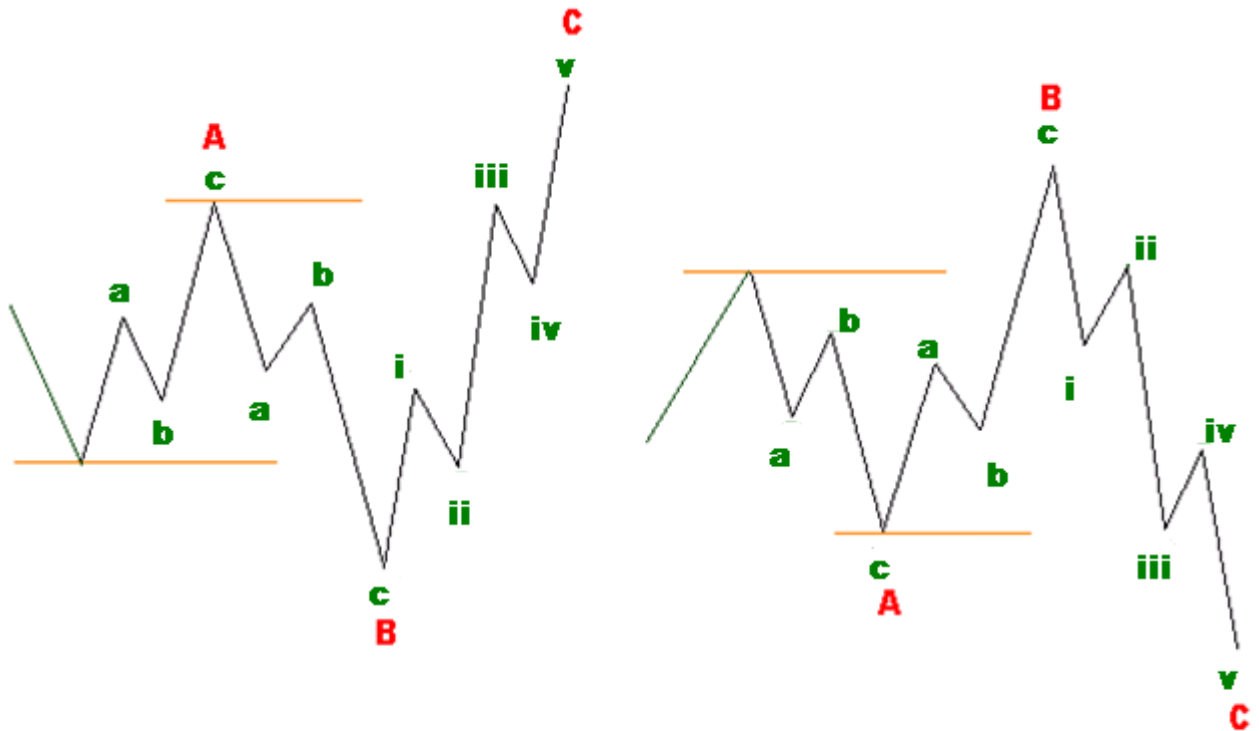


4.2. Các biến thể của mô hình sóng Flat

Mô hình Flat Irregular

Mô hình sóng Flat Irregular là dạng sóng đặc biệt phổ biến của mô hình sóng Flat. Ở đây sóng B được mở rộng và vượt qua điểm cuối của sóng chủ trước đó (nói cách khác là vượt qua điểm khởi đầu sóng A).

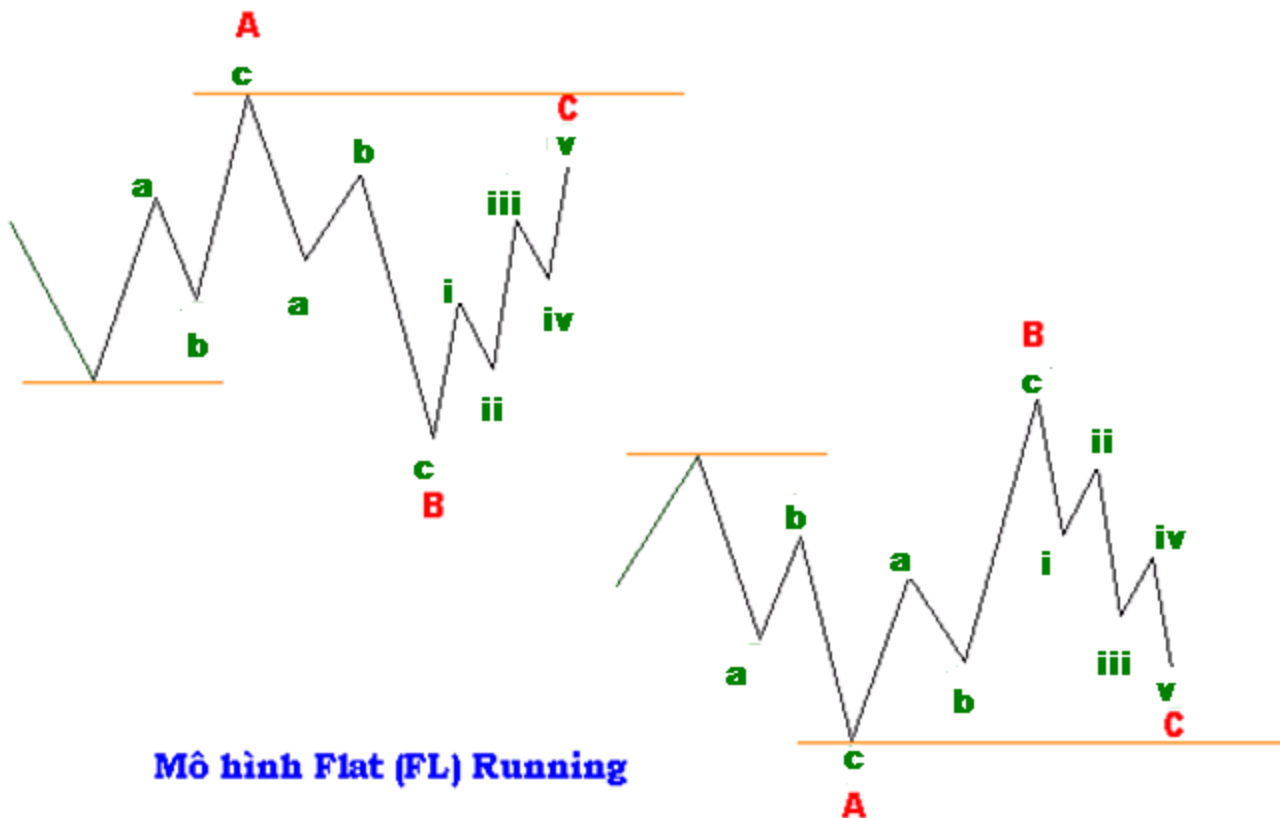
Sức mạnh của sóng B cho thấy thị trường muốn đi theo hướng của sóng B. Nếu sóng C dài hơn nhiều so với sóng A thì sức mạnh đó sẽ kém đi.



Mô hình Flat (FL) Irregular

Mô hình Flat Running

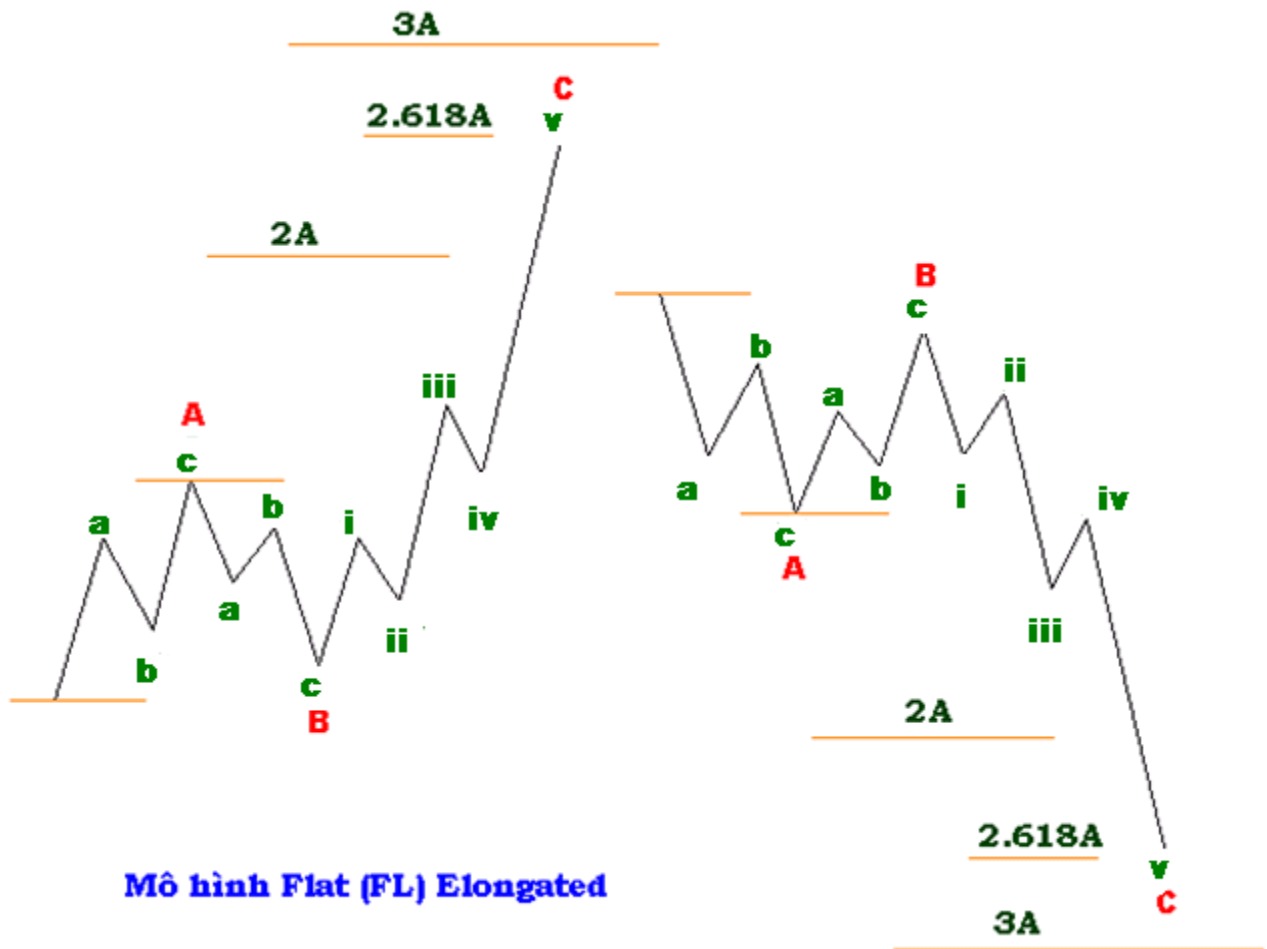
Với mô hình Flat Running thì điểm cuối của sóng C không vượt qua điểm cuối của sóng A. Điều này thể hiện sức mạnh của xu hướng chính.



Mô hình Flat (FL) Running

Mô hình Flat Elongated

Với mô hình Flat Elongated thì sóng C rất dài so với sóng A, có thể dài bằng 2.618 lần sóng A. Ở dạng sóng này thì sóng C thường theo dạng sóng chủ mở rộng sóng thứ 5.



5. Mô hình sóng Double Three và mô hình sóng Triple Three

Mô hình Double Three được ký hiệu là D3 và mô hình Triple Three được ký hiệu là T3.

Các mô hình Double Three (D3) rất phổ biến trong khi các mô hình Triple Three (T3) thì hiếm gặp hơn.

5.1. Quy tắc

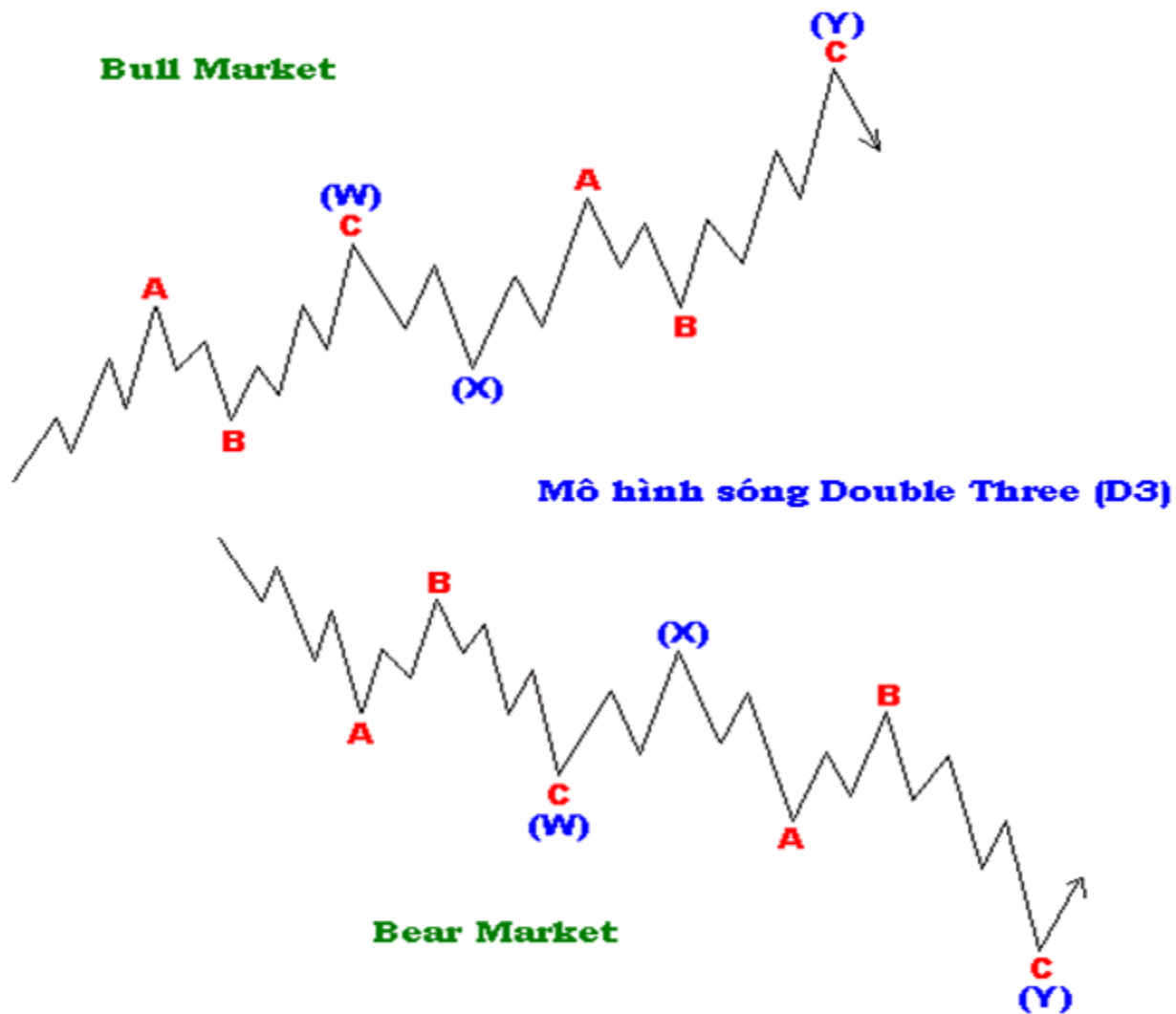
- Sóng (W) có thể theo bất kỳ mô hình sóng điều chỉnh nào trừ các mô hình Triangle (Contracting, Expanding), các mô hình Double hoặc Triple.

- Sóng (X) có thể theo bất kỳ mô hình sóng điều chỉnh nào trừ các mô hình Double hoặc Triple. Mức hồi lại tối thiểu của sóng (X) là 50% sóng (W); mức hồi lại tối đa của sóng (X) là 400% sóng (W).
- Sóng (Y) có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào trừ các mô hình Double hoặc Triple. Sóng (Y) phải lớn hơn sóng (X) về giá trừ trường hợp sóng (Y) là mô hình Triangle (Contracting, Expanding).
- Sóng (X) thứ hai có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào trừ các mô hình Double hoặc Triple. Mức hồi lại tối thiểu của sóng (X) thứ hai là 50% sóng (Y); mức hồi lại tối đa của sóng (X) thứ hai là 400% sóng (Y).
- Sóng (Z) có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào trừ các mô hình Double hoặc Triple. Tuy nhiên sóng (Z) không thể là một Zigzag (ZZ) nếu sóng (Y) là một Zigzag (ZZ). Sóng (Z) phải lớn hơn sóng (X) thứ hai về giá.

5.2. Mô hình sóng Double Three

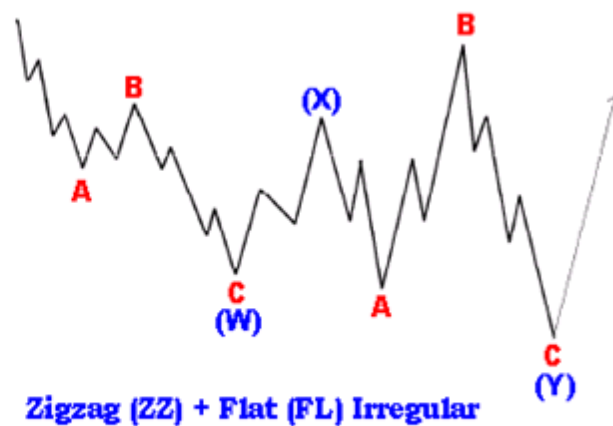
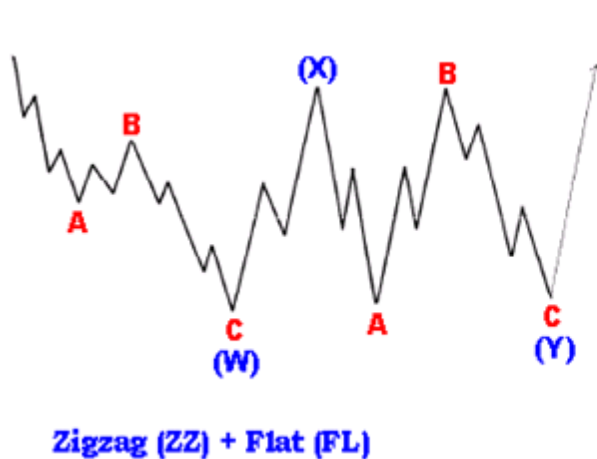
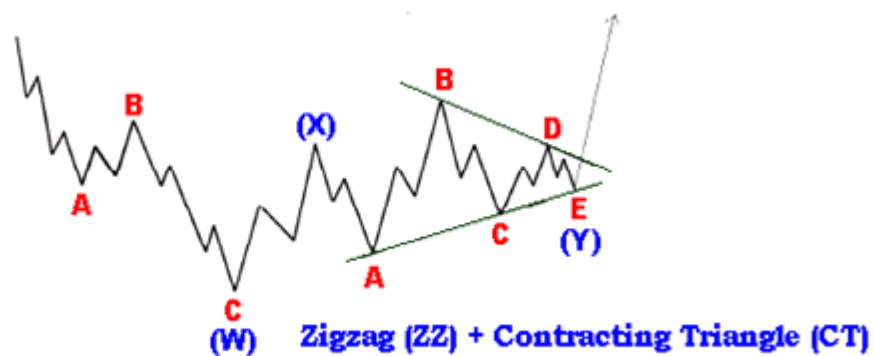
Mô hình Double Three (D3) được tạo thành bằng 2 mô hình sóng điều chỉnh với điều kiện không cùng dạng Zigzag (ZZ) được nối với nhau bởi một mô hình sóng điều chỉnh ngắn gọi là sóng (X).

Mô hình Double Three (D3) được biểu thị bằng các sóng (W)-(X)-(Y) trong đó các sóng (W), (Y) không cùng dạng sóng Zigzag (ZZ).

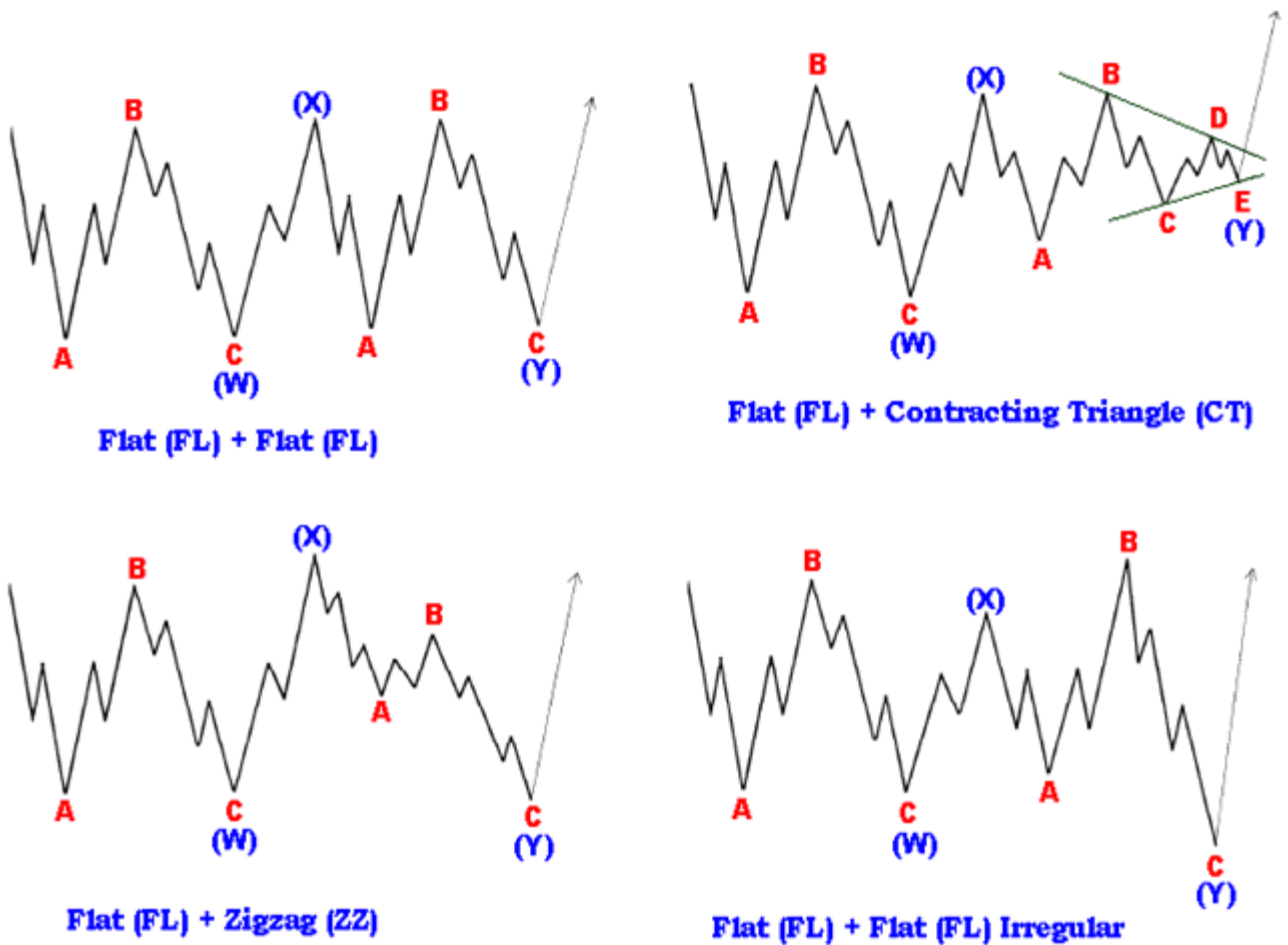


Chi tiết cấu trúc sóng của mô hình Double Three (D3)

Sóng (W) là Zigzag (ZZ) trong khi sóng (Y) là các dạng Triangle (Contracting, Expanding) hoặc các dạng Flat (FL).



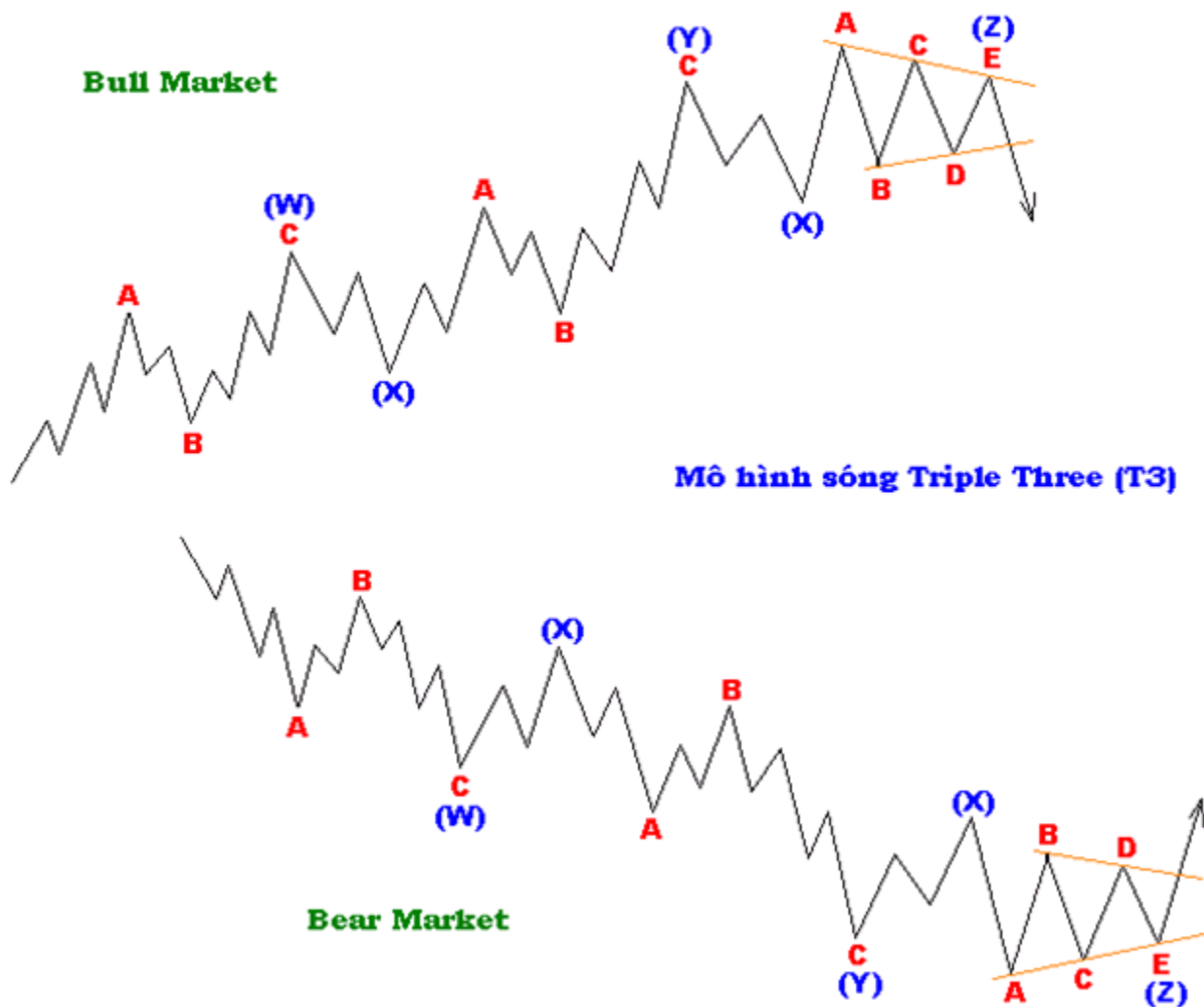
Sóng (W) là các dạng Flat (FL) trong khi sóng (Y) là các dạng Flat (FL), Zigzag (ZZ) hoặc Triangle (Contracting, Expanding):



5.3. Mô hình sóng Triple Three

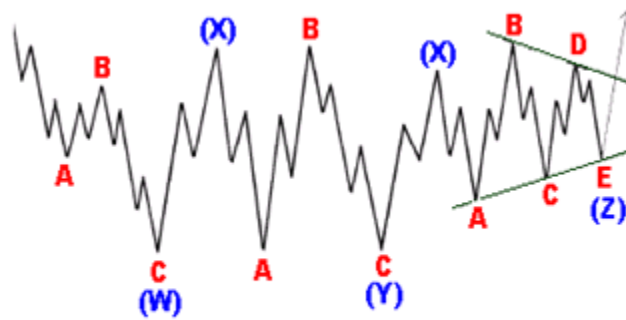
Mô hình Triple Three (T3) được tạo thành bằng 3 mô hình sóng điều chỉnh với điều kiện không cùng dạng Zigzag (ZZ) được nối với nhau bởi hai mô hình điều chỉnh ngắn gọi là sóng (X).

Mô hình Triple Three (D3) được biểu thị bằng các sóng (W)-(X)-(Y)-(X)-(Z) trong đó các sóng (W), (Y), (Z) không cùng dạng sóng Zigzag (ZZ).

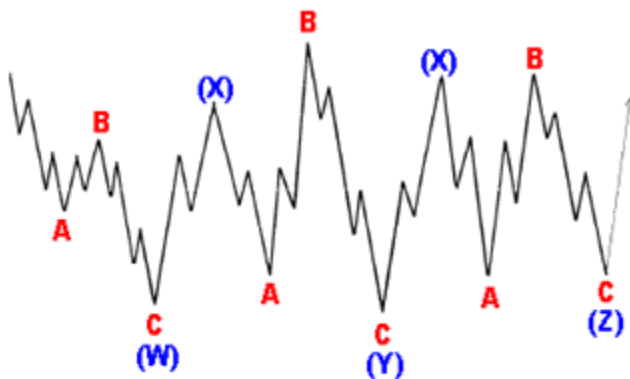


Chi tiết cấu trúc sóng của mô hình Triple Three (T3)

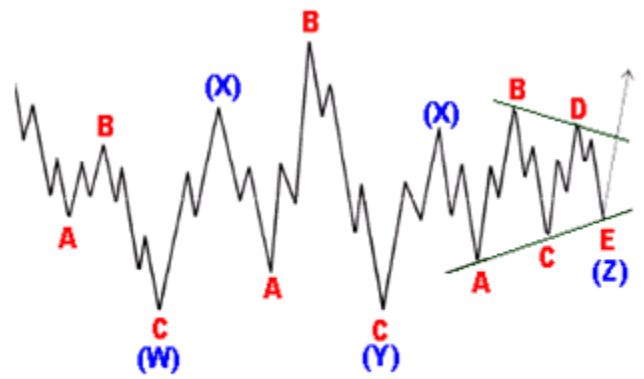
Sóng (W) là các dạng Zigzag (ZZ) trong khi sóng (Y) là các dạng Flat (FL) và sóng (Z) là các dạng Triangle (Contracting, Expanding):



Zigzag (ZZ) + Flat (FL) + Contracting Triangle (CT)

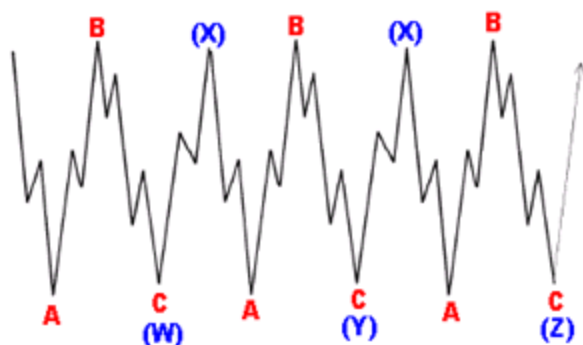


Zigzag (ZZ) + Flat (FL) Irregular + Flat (FL)

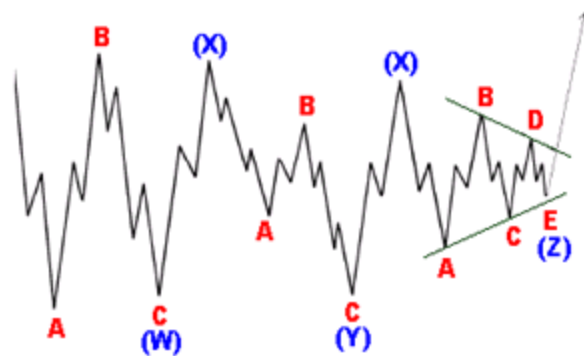


Zigzag (ZZ) + Flat (FL) Irregular + Contracting Triangle (CT)

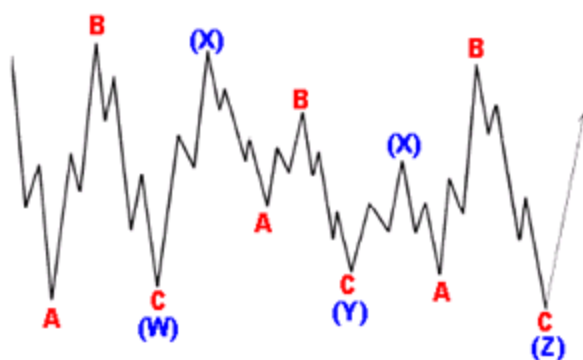
Sóng (W) là các dạng Flat (FL) trong khi sóng (Y) và sóng (Z) là các dạng Flat (FL), Zigzag (ZZ) hoặc Triangle (Contracting, Expanding) nhưng sóng (Z) không là Zigzag (ZZ) khi sóng (Y) đã là Zigzag (ZZ):



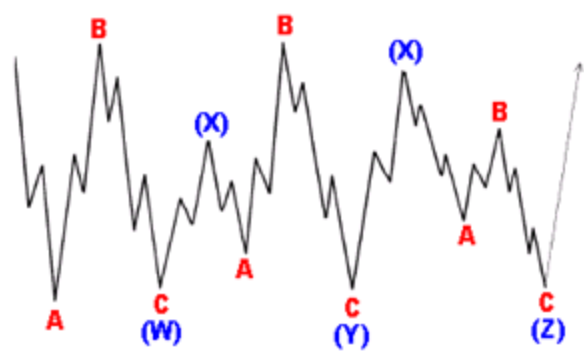
Flat (FL) + Flat (FL) + Flat (FL)



Flat (FL) + Zigzag (ZZ) + Contracting Triangle (CT)



Flat (FL) + Zigzag (ZZ) + Flat (FL) Irregular



Flat (FL) + Flat (FL) Irregular + Zigzag (ZZ)

6. Mô hình Contracting Triangle và mô hình Expanding Triangle

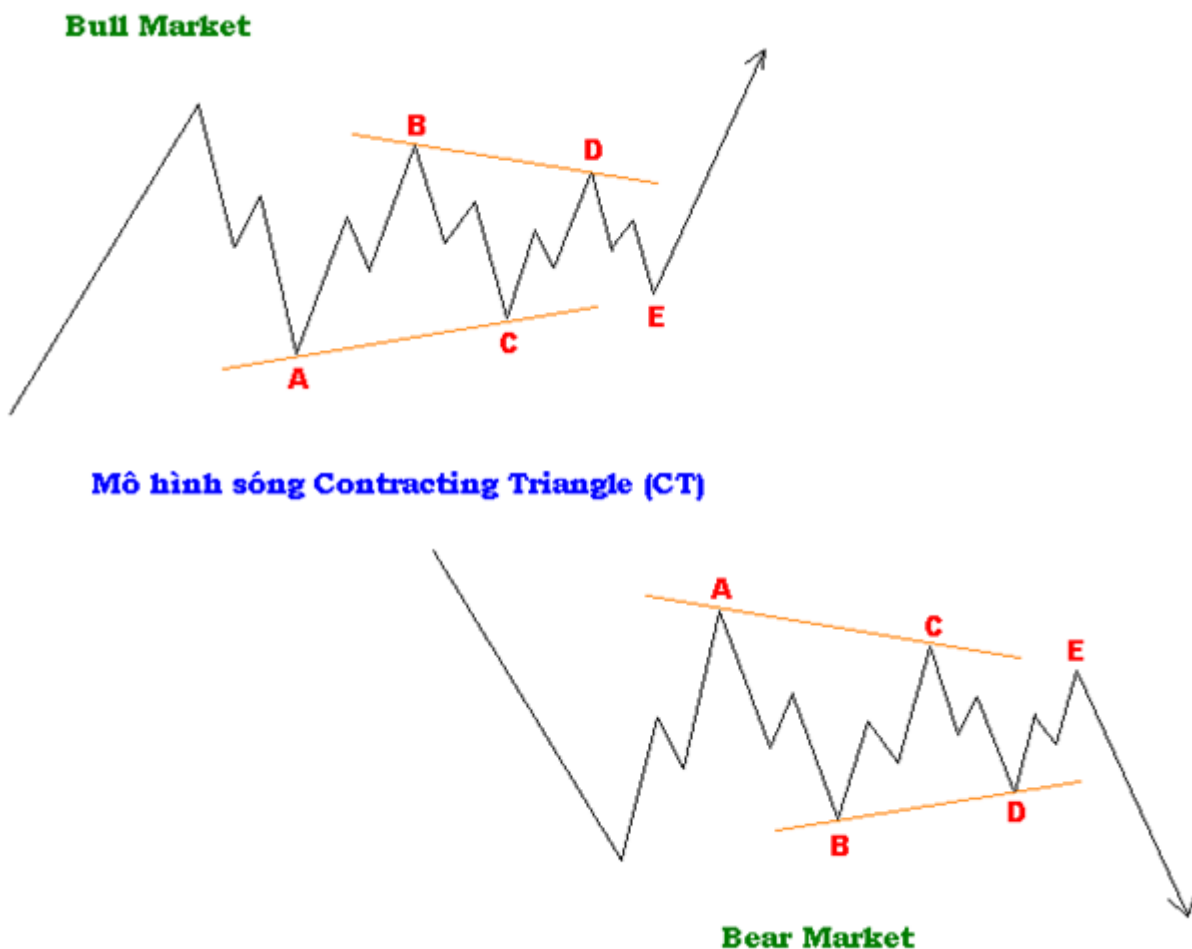
Có 2 dạng mô hình tam giác phổ biến là Contracting Triangle (CT) và Expanding Triangle (ET).

Mô hình Contracting Triangle (CT) được ký hiệu là CT, mô hình Expanding Triangle được ký hiệu là ET.

Các mô hình này điều chỉnh có cấu trúc 5 sóng, được đánh dấu A-B-C-D-E, di chuyển trong 2 đường kênh giá hội tụ (contracting) hoặc mở rộng (expanding) được vẽ từ A đến C và từ B đến D.

6.1. Mô hình Contracting Triangle

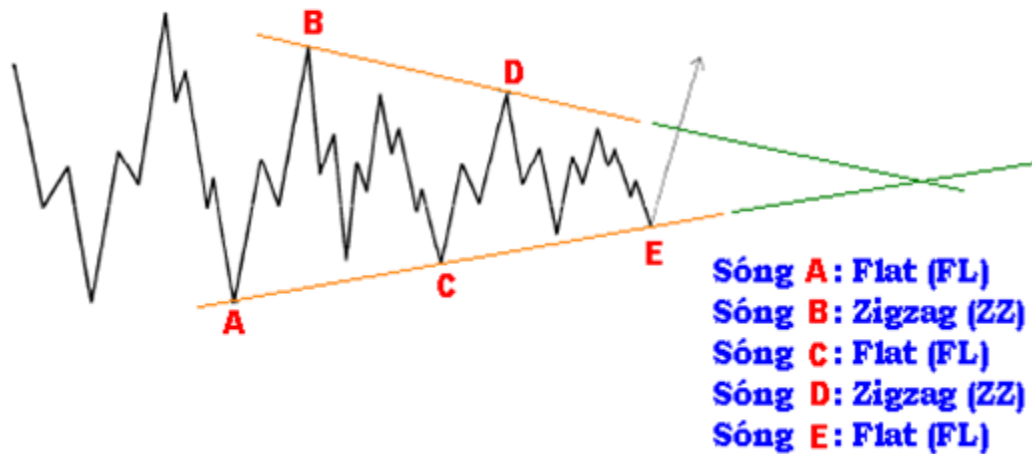
Mô hình Contracting Triangle (CT) khá phổ biến. Trong mô hình này thì 2 đường kênh giá AC, BD hội tụ dần.



Quy tắc của mô hình sóng Contracting Triangle (CT)

- Sóng A chỉ có thể là một Zigzag (ZZ), Double Zigzag (DZ) hoặc Triple Zigzag (TZ), hoặc Flat (FL).
- Sóng B chỉ có thể là một Zigzag (ZZ), Double Zigzag (DZ) hoặc Triple Zigzag (TZ).

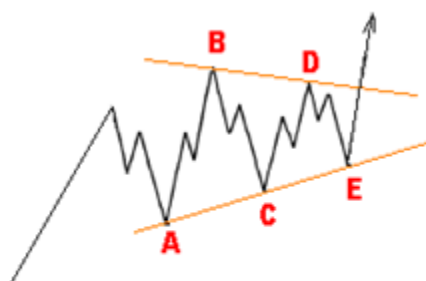
- Sóng C và sóng D có thể theo bất kỳ mô hình điều chỉnh nào trừ mô hình Contracting Triangle (CT) hoặc Expanding Triangle (ET).
- Các sóng A, B, C và D phải di chuyển trong hoặc gần với các đường kênh giá AC và BD. Sự giao nhau của các đường kênh giá phải xuất hiện sau khi kết thúc sóng E. Các đường kênh giá phải hội tụ, chúng không thể song song nhau.
- Một trong các đường kênh giá có thể nằm ngang (nên mô hình Contracting Triangle (CT) có thể là dạng Symmetrical Triangle, hoặc dạng Ascending Triangle hoặc dạng Descending Triangle).
- Sóng E có thể là một Zigzag (ZZ), Double Zigzag (DZ) hoặc Triple Zigzag (TZ) hoặc Contracting Triangle (CT).
- Sóng E phải ngắn hơn sóng D về giá và sóng E phải dài hơn 20% sóng D về giá ($0.2D < E < D$).
- Hoặc sóng A hoặc sóng B phải là sóng dài nhất về giá. Sóng E phải kết thúc trong vùng giá của sóng A. Sóng E phải di chuyển trong hoặc gần với đường kênh BD.



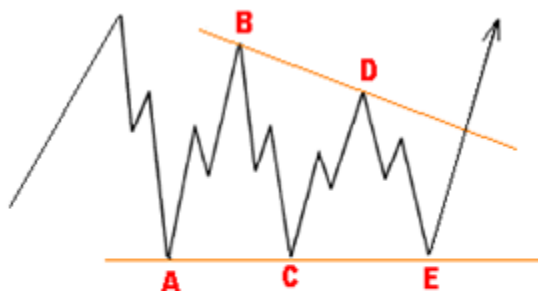
Các biến thể của mô hình sóng Contracting Triangle (CT)

- Khi 2 đường kênh AC, BD hội tụ đối xứng thì có dạng Contracting Triangle (CT) Symmetrical.
- Khi 2 đường kênh AC, BD hội tụ trong đó AC nằm ngang (Horizontal) và BD hướng xuống (Descending) thì có Contracting Triangle (CT) Descending.
- Khi 2 đường kênh AC, BD hội tụ trong đó BD nằm ngang và AC hướng lên (Ascending) thì có Contracting Triangle (CT) Ascending.

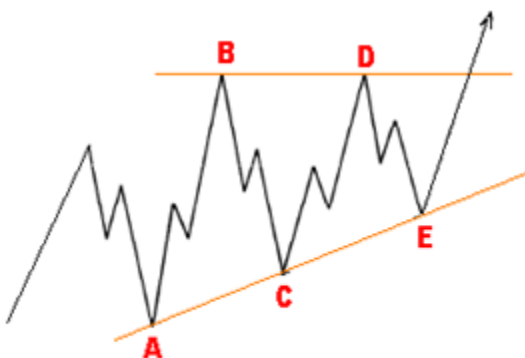
- Khi 2 đường kênh AC, BD hội tụ mà cùng chạy với hướng chếch lên hoặc chếch xuống thì có Contracting Triangle (CT) Running.



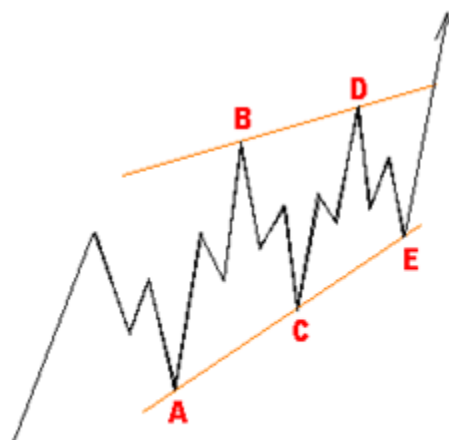
Contracting Triangle (CT) Symmetrical



Contracting Triangle (CT) Descending



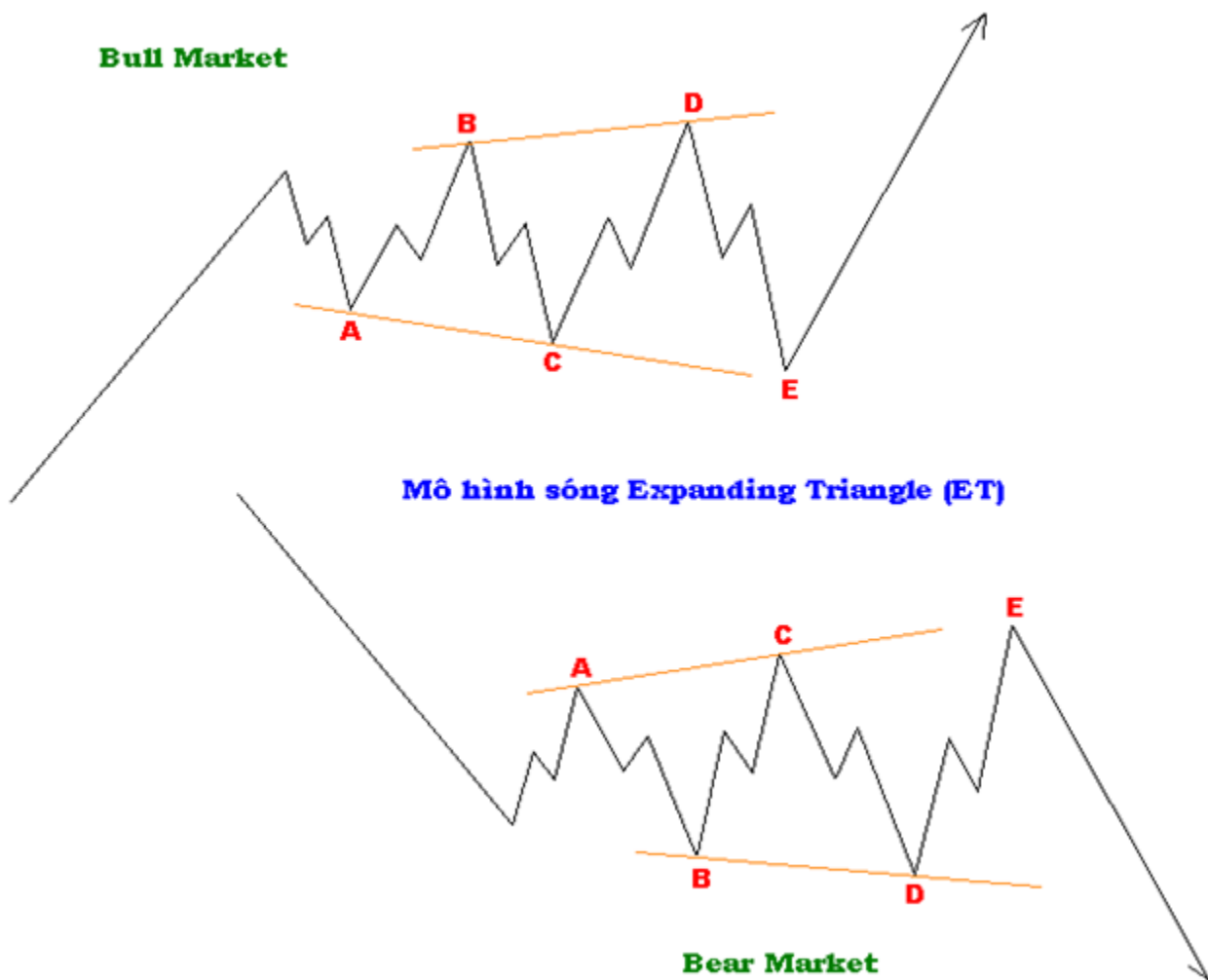
Contracting Triangle (CT) Ascending



Contracting Triangle (CT) Running

6.2. Mô hình Expanding Triangle

Mô hình Expanding Triangle (ET) rất ít phổ biến trong số các mô hình sóng Elliott. Trong mô hình này thì 2 đường kênh giá AC, BD mở rộng dần ra về phía bên phải.

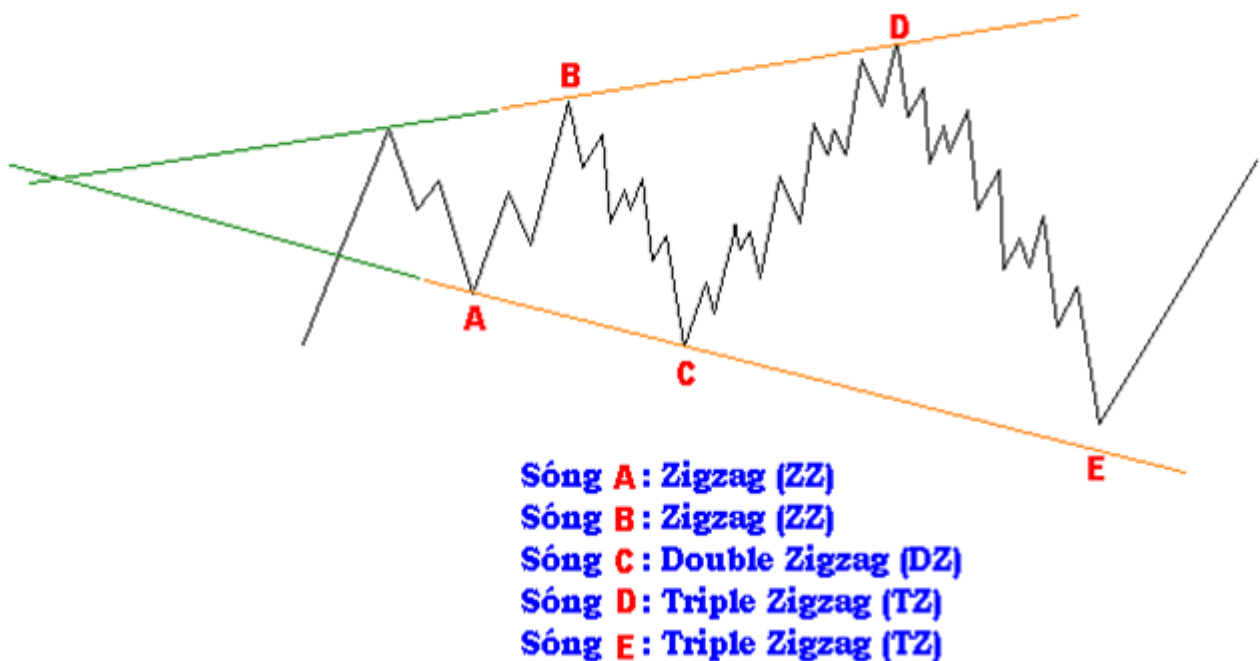


Quy tắc của mô hình sóng Expanding Triangle (ET)

- Tất cả 5 sóng A, B, C, D, E phải theo các mô hình Zigzag (ZZ), Double Zigzag (DZ) hoặc Triple Zigzag (TZ).
- Sóng B phải ngắn hơn sóng C về giá nhưng dài hơn 40% sóng C về giá ($0.4C < B < C$). Các sóng A, B, C và D phải di chuyển trong hoặc gần với các đường kênh giá AC và BD. Sóng C phải ngắn hơn sóng D về giá nhưng dài hơn 40% sóng D về giá ($0.4D < C < D$).
- Sóng A phải di chuyển trong hoặc gần trong đường kênh AC. Sự giao nhau của các đường kênh giá phải xuất hiện trước khi bắt đầu sóng A.

Các đường kênh giá phải phân kỳ, chúng không thể song song nhau.
Không có đường kênh giá nào nằm ngang.

- Sóng E phải dài hơn sóng D và sóng D phải lớn hơn 40% sóng E về giá ($0.4E < D < E$). Hoặc sóng A hoặc sóng B là sóng ngắn nhất về giá. Sóng E phải di chuyển trong hoặc gần trong đường kênh BD.



Mô hình Expanding Triangle (ET) không có các biến thể.

Bài 4: Mối quan hệ giữa tỷ lệ Fibonacci và sóng Elliott

1. Dãy số Fibonacci và tỷ lệ Fibonacci

Dãy số Fibonacci là dãy số bắt đầu với 0 và 1, số tiếp theo bằng tổng 2 số liền trước.

Từ quy luật đó ta có dãy Fibonacci: 0, 1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144, 233, 377, 610, ...

Nếu chia một số bất kỳ cho số đứng liền trước nó trong dãy Fibonacci thì sẽ có kết quả gần bằng 1.618. Lấy ví dụ $34 : 21 = 1.618$.

Ngoài ra chia cùng số đó cho số đứng liền sau nó sẽ cho kết quả là 0.618. Lấy ví dụ $34 : 55 = 0.618$.

1.618 và 0.618 và 2 số nghịch đảo của nhau. Tức là $1.618 \times 0.618 = 1$.

Chia bất kỳ một số cho số đứng trước nó 2 bậc trong dãy số thì sẽ cho kết quả là 2.618. Lấy ví dụ $55 : 21 = 2.618$.

Hơn nữa, chia cùng số đó cho số đứng sau nó 2 bậc trong dãy số thì sẽ cho kết quả là 0.382. Lấy ví dụ $55 : 144 = 0.382$.

2.618 và 0.382 và 2 số nghịch đảo của nhau. Tức là $2.618 \times 0.382 = 1$.

Chia bất kỳ một số cho số đứng trước nó 3 bậc trong dãy số sẽ cho kết quả là 4.236. Lấy ví dụ $144 : 34 = 4.236$.

Đồng thời chia cùng số đó cho số đứng sau nó 3 bậc trong dãy số thì sẽ có kết quả là 0.236. Lấy ví dụ $144 : 610 = 0.236$.

4.618 và 0.236 và 2 số nghịch đảo của nhau. Tức là $4.618 \times 0.236 = 1$.

.....

2. Mối quan hệ giữa tỷ lệ Fibonacci và các mô hình sóng

Elliott

Các mục tiêu theo tỷ lệ Fibonacci thường bộc lộ các mức hỗ trợ hoặc kháng cự quan trọng.

Nguyên lý sóng Elliott tạo ra hình dáng và khung sườn trong khi tỷ lệ Fibonacci tạo ra công cụ để đo lường các biến động giá kể cả về biên độ lẫn thời điểm kết thúc. Sự kết hợp tỷ lệ Fibonacci với nguyên lý sóng Elliott quả thật là một sự kết hợp khoa học.

Những mối quan hệ Fibonacci phổ biến nhất và tin cậy nhất có thể được tìm thấy giữa các sóng được nối với nhau bằng một sóng khác chứ không phải giữa 2 sóng liền nhau.

Ví dụ chiều dài của sóng 3 trong một chuỗi 5 sóng sẽ chịu ảnh hưởng từ chiều dài của sóng 1 chứ không phải từ chiều dài của sóng 2.

Tiếp theo bạn sẽ được biết chi tiết cách tính mục tiêu biên độ của từng sóng với tỷ lệ Fibonacci.

3. Mục tiêu biên độ của từng sóng Elliott theo tỷ lệ Fibonacci

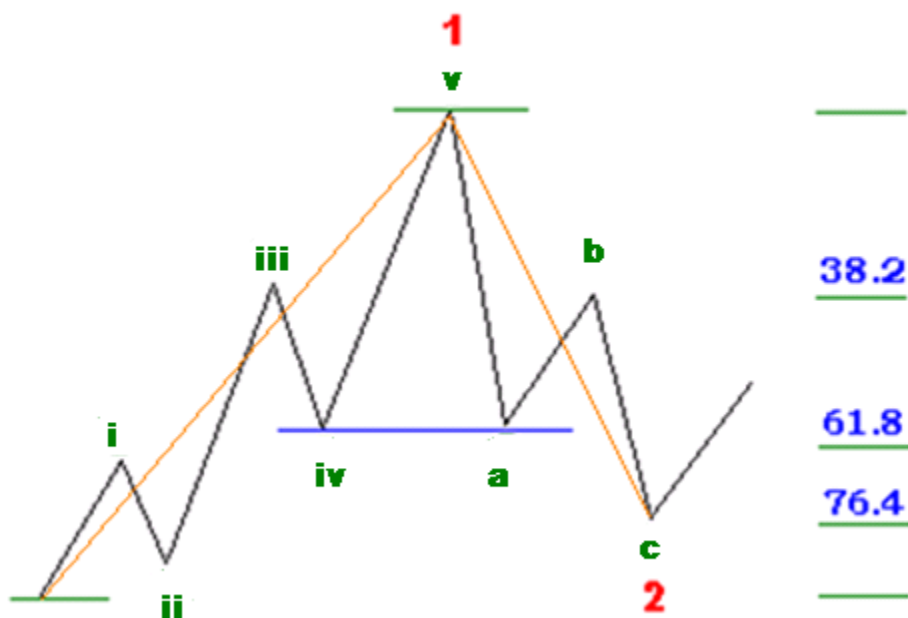
#1. Sóng 1

Sóng 1 là một dao động giá mới khởi đầu cho một chuỗi sóng chủ.

Thông thường chúng ta không giao dịch ở sóng 1 mà sẽ chờ sóng 1 hình thành xong để tính toán biên độ các sóng tiếp theo.

#2. Sóng 2

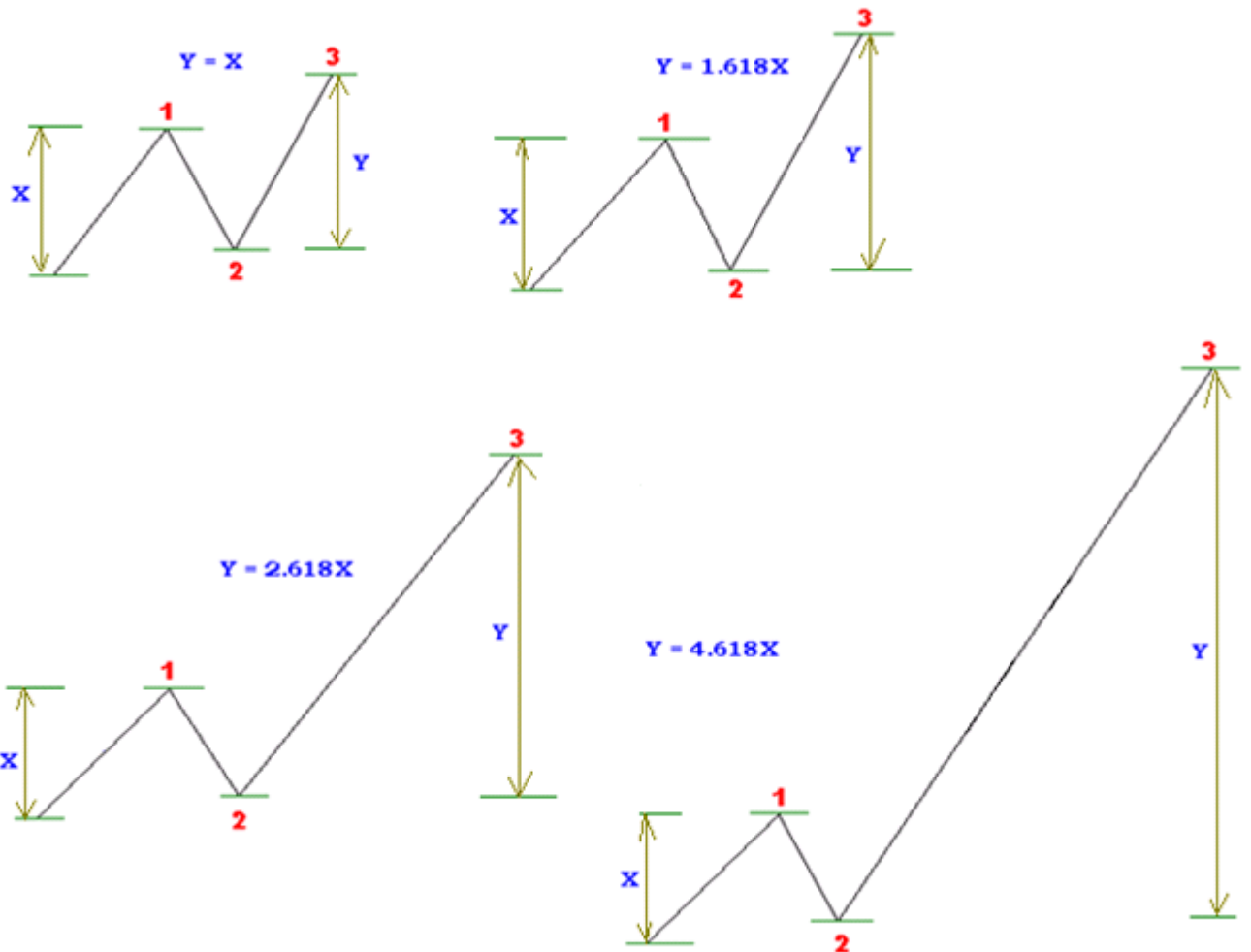
Sóng 2 hồi lại ít nhất 23.6% nhưng chủ yếu là tại 3 mức 50% 61.8% và 76.4% so với sóng 1.



#3. Sóng 3

Sóng 3 ít nhất bằng sóng 1, trừ các mô hình Leading Diagonal (LD), Ending Diagonal (ED) (với 2 dạng sóng này thì sóng 3 ngắn hơn sóng 1).

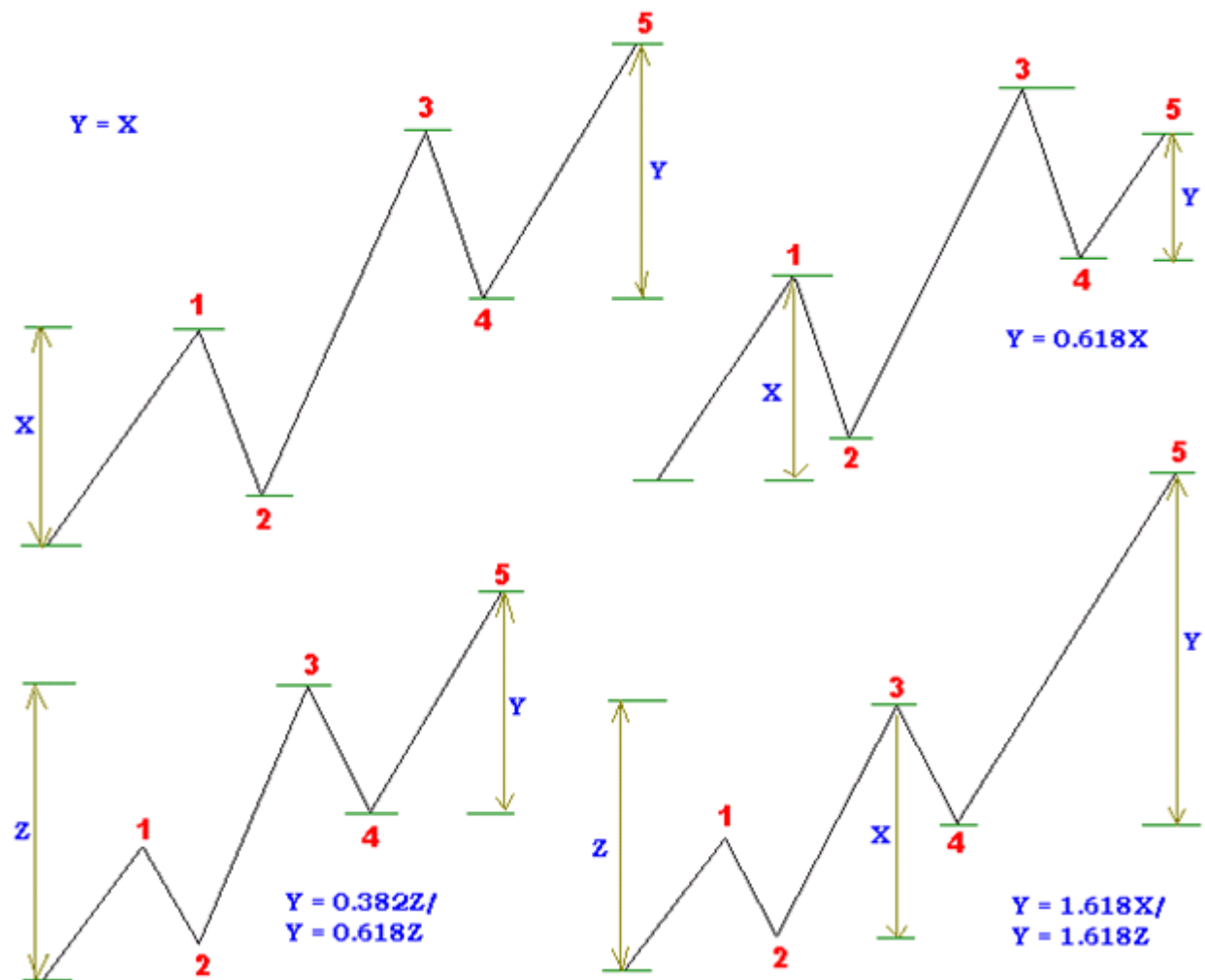
Nếu sóng 3 là sóng mở rộng và dài nhất trong các sóng chủ 1, 3, 5 thì nó sẽ có xu hướng bằng 161.8% đến 261.8% thậm chí 461.8% sóng 1.



#4. Sóng 4

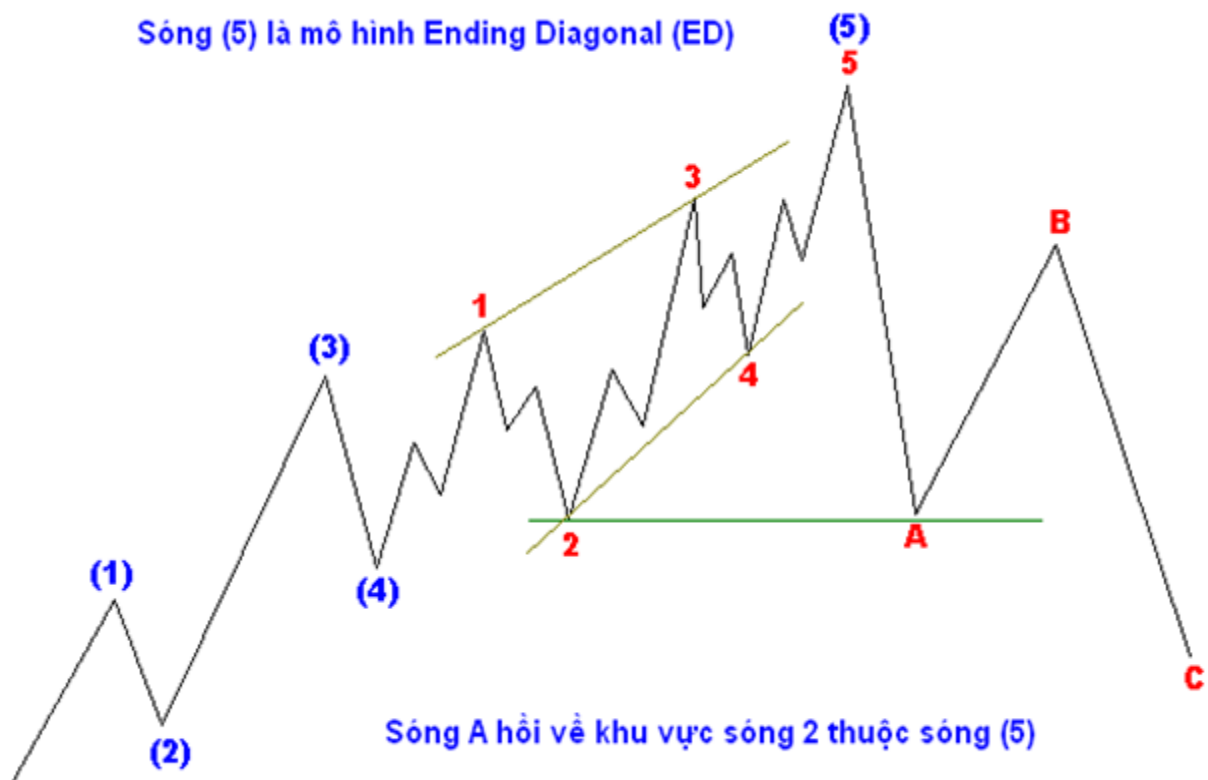
Sóng 4 thường hồi lại 38.2% hoặc 50% hoặc 61.8% so với sóng 3 nếu sóng 3 không phải sóng mở rộng.

Trong trường hợp sóng 3 mở rộng thì sóng 4 thường chỉ hồi lại 23.6% hoặc 38.2% so với sóng 3.

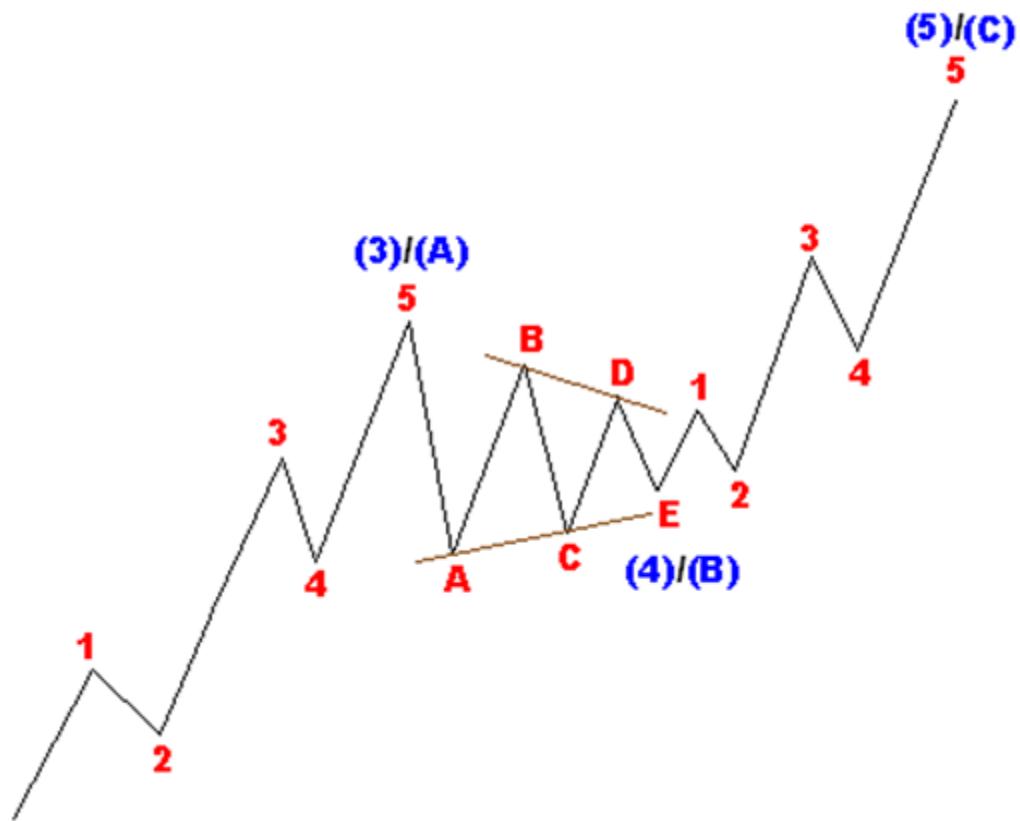


#6. Sóng A

Sau mô hình Ending Diagonal (ED) trong sóng (5) thì sóng A hồi về sóng 2 của mô hình Ending Diagonal (ED) này.



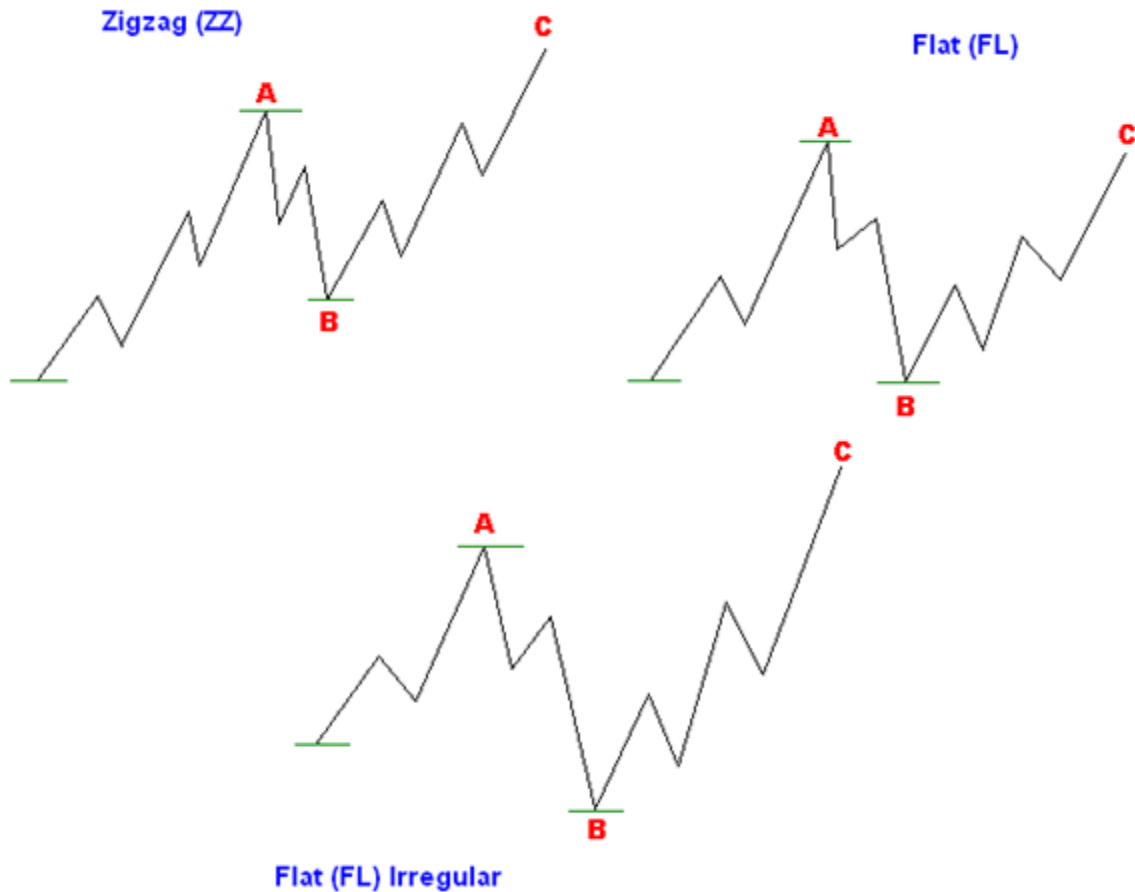
Khi sóng A là một phần của mô hình Contracting Triangle (CT), sóng (B) hoặc sóng (4) thì nó thường hồi lại 38.2% của cả 5 sóng trước đó và đi vào phạm vi sóng thứ 4 của 5 sóng này.



#7. Sóng B

Trong mô hình Zigzag (ZZ) thì sóng B hầu như hồi lại 38.2% hoặc 61.8% sóng A.

Trong mô hình Flat (FL) thì nó xấp xỉ bằng sóng A. Trong mô hình Flat (FL) Irregular thì nó thường đi một khoảng cách bằng 138.2% sóng A.



#8. Sóng C

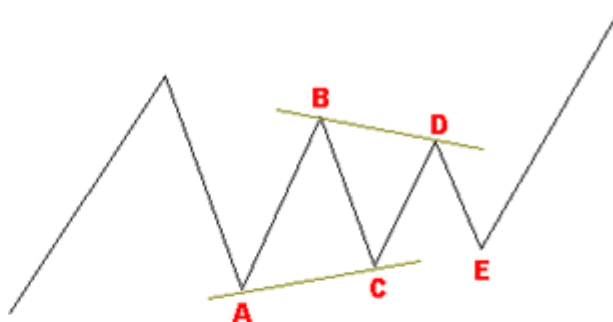
Sóng C có chiều dài ít nhất là 61.8% sóng A. Nó có thể ngắn hơn trong trường hợp mô hình Zigzag (ZZ) Running hoặc Flat (FL) Running trong đó sóng C rất ngắn và không thể vượt qua điểm cuối của sóng A.

Nhìn chung sóng C bằng với sóng A hoặc đi một khoảng cách bằng 161.8% sóng A. Sóng C thường đạt 161.8% chiều dài sóng a trong mô hình Flat (FL) Irregular.

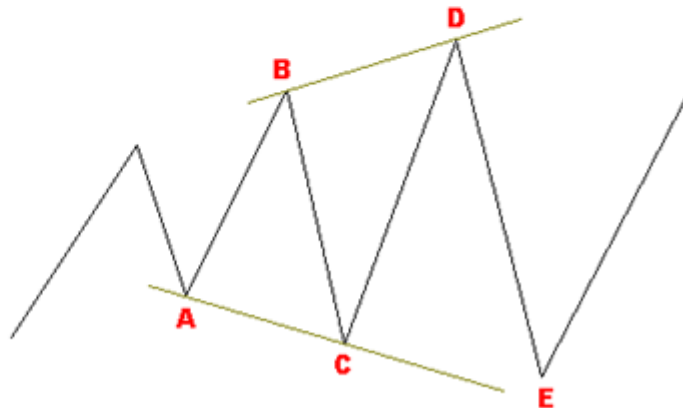
Zigzag (ZZ) Running



Contracting Triangle (CT)



Flat (FL) Running



Expanding Triangle (ET)

Trong mô hình Contracting Triangle (CT) thì sóng C thường bằng 61.8% sóng A.

Trong mô hình Expanding Triangle (ET) thì sóng C thường bằng 161.8% sóng A.

#9. Sóng D

Trong mô hình Contracting Triangle (CT) thì sóng D thường bằng 61.8% sóng B.

Trong mô hình Expanding Triangle (ET) thì sóng C thường bằng 161.8% sóng B.

#10. Sóng E

Trong mô hình Contracting Triangle (CT) thì sóng E thường bằng 61.8% sóng C.

Trong mô hình Expanding Triangle (ET) thì sóng E thường bằng 161.8% sóng C.

#11. Sóng X

Sóng X tối thiểu hồi lại 38.2% quá trình điều chỉnh A-B-C trước đó; một mức hồi lại 61.8% cũng phổ biến đối với sóng X.

